

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên :Lâm Thị Kim Nhung

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Trần Thị Thu Hà

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ,
DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG THỊNH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên :Lâm Thị Kim Nhung

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Trần Thị Thu Hà

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lâm Thị Kim Nhung Mã SV: 120357

Lớp: QT 1203K Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

M U C L U C

Lời mở đầu.....	10
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	12
1.1 Tổng quan về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	12
1.1.1 <i>Khái niệm, phân loại và vai trò của doanh thu.....</i>	12
1.1.1.1 Khái niệm của doanh thu	12
1.1.1.2 Phân loại doanh thu.....	12
1.1.1.3 Ý nghĩa và vai trò của doanh thu	12
1.1.2 Nội dung và cách thức xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh.....	13
1.1.2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	13
1.1.2.3 Kết quả hoạt động kinh doanh	14
1.1.2.4 Kết quả hoạt động khác.....	15
1.2 Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	16
1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp.....	16
1.2.2 <i>Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</i>	27
1.2.3 <i>Tổ chức kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</i>	27
1.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	27
1.2.3.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	35
1.2.3. 3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	38
1.2.4 <i>Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....</i>	39
1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	39
1.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính	41
1.2.5 <i>Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác</i>	42
1.2.5.1 Kế toán thu nhập khác.....	42
1.2.5.2 Kế toán chi phí khác.....	45
1.2.6 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	47
1.2.6.1 Khái niệm:.....	47
1.2.6.2 Vai trò	47
1.2.6.3 Tài khoản sử dụng.....	48
1.3 Tổ chức vận dụng, hệ thống sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	49
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	49
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.....	51
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	52
1.3.4 Hình thức sổ kế toán Nhật kí – Chứng từ	53
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	54

CHƯƠNG 2 :THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH	55
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Hưng Thịnh.....	55
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Hưng Thịnh.....	55
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh	55
2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp của công ty	57
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	57
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	57
2.1.4.2 Hình thức kế toán và một số chế độ kế toán áp dụng tại công ty.....	59
2.1.4.2.1 Chế độ kế toán áp dụng.....	59
2.1.4.1.2 Hình thức kế toán.....	59
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh.....	61
2.2.1 Đặc điểm chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty công ty TNHH Hưng Thịnh.....	61
2.2.2 Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty công ty TNHH Hưng Thịnh.....	61
2.2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.....	61
2.2.2.2 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán	73
2.2.2.3 Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh	79
2.2.2.4 Kế toán chi phí hoạt động tài chính	89
2.2.2.5.Kế toán doanh thu tài chính	95
2.2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	99
2.3. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH Hưng Thịnh.....	113
2.3.1 Đánh giá chung	113
2.3.2 Ưu điểm	113
2.3.2 Hạn chế:	114
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH.	115
3.1. Định hướng phát triển của công ty trong tương lai.....	115
3.2 Một số hạn chế cần khắc phục và biện pháp hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại công ty TNHH Hưng Thịnh.....	116
3.2.1 Ý kiến 1 :Mở bảng kê doanh thu bán lẻ.....	116
3.2.2 Ý kiến thứ 2: Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng tiêu thụ để tính chính xác kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng.....	117
3.2.3 Ý kiến thứ 3: Lập dự phòng phải thu khó đòi	119
3.2.4 Ý kiến thứ 4: Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	121
3.2.5 Ý kiến thứ 5: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.....	122
3.2.6 Ý kiến thứ 6:Tin học hóa công tác kế toán	123

KẾT LUẬN	126
TÀI LIỆU THAM KHẢO	127

Đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh.

Lời mở đầu

Sau khi nước ta gia nhập WTO đã đặt ra cho các doanh nghiệp những thuận lợi và khó khăn nhất định, để đứng vững và tồn tại các doanh nghiệp cần phải chủ động trong việc tìm kiếm thị trường, đa dạng hóa các mặt hàng sản phẩm. Đây là thách thức lớn đặt ra cho tất cả các nhà quản trị. Như ta đã biết, mục tiêu của kinh doanh là tối đa hóa lợi nhuận và kiểm soát được rủi ro. Để có được thành công đòi hỏi các doanh nghiệp phải tìm tòi nghiên cứu thị trường nhằm thu được lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, có lợi nhuận doanh nghiệp mới có điều kiện để mở rộng tái sản xuất và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đầu tư theo chiều sâu, nâng cao cải thiện đời sống vật chất tinh thần của người lao động nói riêng và toàn doanh nghiệp nói chung.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp phải thường xuyên theo dõi những hoạt động kinh doanh hằng ngày, phải biết cách nắm bắt thông tin chính xác, khách quan, cụ thể. Kết quả hoạt động kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp vì nếu doanh nghiệp nào tổ chức tốt nghiệp vụ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá đảm bảo thu hồi vốn, bù đắp các chi phí đã bỏ ra và xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh sẽ có điều kiện tồn tại và phát triển. Ngược lại, nếu doanh nghiệp nào không tiêu thụ được hàng hoá của mình, xác định không chính xác kết quả bán hàng sẽ dẫn đến tình trạng “lãi giả, lỗ thật” thì sớm muộn cũng đi đến chỗ phá sản.

Kế toán đã thực sự trở thành một lĩnh vực không thể thiếu ở các doanh nghiệp hiện nay, trong đó việc xác định chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là vô cùng quan trọng.

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nên trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hưng Thịnh em đã đi sâu nghiên cứu và lựa chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty công ty TNHH Hưng Thịnh**” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài: Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh để thấy được những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hưng Thịnh trong năm 2011.

Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lí luận đến thực tiễn, lấy thực tế để kiểm tra lí luận.
- Phương pháp cụ thể: phương pháp trình bày, diễn giải, so sánh, phân tích, quy nạp...
- Phương pháp thống kê: dựa trên những số liệu đã được thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục cho Công ty nói chung và cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương chính:

Chương I: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh.

Trong quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận, em đã nhận được sự giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của các cán bộ và nhân viên Phòng Kế toán của Công ty và cô giáo – Thạc sĩ Trần Thị Thu Hà. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên luận văn của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm, phân loại và vai trò của doanh thu

1.1.1.1 Khái niệm của doanh thu

Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2 Phân loại doanh thu

Doanh thu gồm 3 loại:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu bất động sản đầu tư.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

1.1.1.3 Ý nghĩa và vai trò của doanh thu

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn thu tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể mở rộng sản xuất kinh doanh và mua sắm thêm tài sản cố định và trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo qui định, là nguồn có thể tham gia vốn góp cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết các đơn vị khác.

Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu dẫn đến phá sản. Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ sửa chữa, bảo hành, thay thế phụ tùng ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Tiêu thụ hàng hóa mang lại doanh thu cho doanh nghiệp đồng thời thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Thông qua tiêu thụ giá trị hàng hóa được thực hiện, các vấn đề liên quan đến hàng hóa được xác định như: số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Tiêu thụ xét trên toàn bộ

nền kinh tế quốc dân là điều kiện cần thiết để tái sản xuất xã hội. Đảm bảo tiêu thụ là đảm bảo duy trì sự liên tục của hoạt động kinh tế, đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa các khâu trong quá trình kinh doanh. Kết quả tiêu thụ hàng hóa có tỉ trọng không nhỏ trong kết quả kinh doanh. Nó là một phần cấu thành của kết quả kinh doanh và ngược lại kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để đưa ra quyết định về tiêu thụ hàng hóa. Nói cách khác, kết quả kinh doanh là mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp còn tiêu thụ hàng hóa là phương thức để hoàn thành mục tiêu đó

. Việc xác định kết quả tiêu thụ giúp cho việc xác định đúng kết quả kinh doanh thể hiện chính xác năng lực kinh doanh của doanh nghiệp. Như vậy, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ hàng hóa có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hóa cũng như hoàn thiện hạch toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ hàng hóa là điều cần thiết.

1.1.2 Nội dung và cách thức xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TÀI KHOẢN 511 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán

trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

1.1.2.3 Kết quả hoạt động kinh doanh

TÀI KHOẢN 911 - XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

1. *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2. *Kết quả hoạt động tài chính* là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

3. *Kết quả hoạt động khác* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG PHẢN ÁNH CỦA TÀI KHOẢN 911 - XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ**TÀI KHOẢN 641- CHI PHÍ BÁN HÀNG****Bên Nợ:**

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.**TÀI KHOẢN 642 - CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****Bên Nợ:**

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.**1.1.2.4 Kết quả hoạt động khác****TÀI KHOẢN 711 - THU NHẬP KHÁC****Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.**TÀI KHOẢN 811 - CHI PHÍ KHÁC**

Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh .

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2 Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Khái niệm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền được hoặc sẽ thu từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

b) Nội dung :

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 đã chỉ rõ: doanh thu là tổng giá trị những lợi ích kinh tế của doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không coi là doanh thu hoặc các khoản vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh từ các hoạt động khác nhau(doanh thu các hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). Trong đó, doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là bộ phận doanh thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp. Khoản doanh thu này phát sinh từ các giao dịch thuộc hoạt động bán hàng(là hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa do doanh nghiệp mua vào)và hoạt động cung cấp dịch vụ(là việc thực hiện công việc mà doanh nghiệp đã thỏa thuận với người mua theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán) theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hay bên sử dụng tài sản. Đó chính là doanh thu thuần về tiêu thụ và được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được (là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự

nguyên giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá) sau khi trừ các khoản chiết khấu thương, giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại.

12.1.1.2 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐS) là bao gồm: Quyền sử dụng đất, nhà hoặc một phần của nhà, hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý.

- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận là toàn bộ giá bán (giá bán chưa thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế)

Trường hợp bất động sản đầu tư theo phương pháp trả chậm thì doanh thu được xác định theo giá bán trả ngay (giá bán chưa có thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế). Khoản chênh lệch giữa bán trả chậm và bán trả ngay và thuế GTGT được ghi nhận là doanh thu tiền lãi chưa thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán số 14 – “ Doanh thu và thu nhập khác”.

1.2.1.1.3 Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu được phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Doanh thu thu được tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền và cổ tức được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

- Cổ tức và lợi nhuận được chia khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Lãi suất thực tế là tỷ lệ lãi dùng để quy đổi các khoản tiền nhận được trong tương lai trong suốt thời gian cho các bên sử dụng tài sản về giá trị ghi nhận ban đầu tại thời điểm chuyển giao tài sản cho bên sử dụng.

- Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư đã được dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại các khoản đầu tư đó, thì khi thu được khoản lãi từ việc đầu tư đó, doanh nghiệp phải phân bổ vào các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi cả các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của doanh nghiệp. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư chưa được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

- Tiền bản quyền được dồn tích căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng hoặc tính trên cơ sở hợp đồng từng lần.

- Doanh thu được ghi nhận khi đảm bảo là doanh nghiệp được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi được khoản mà trước đó ghi nhận vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi hoặc không chắc chắn thu hồi được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

1.2.2 Các nguyên tắc khi hạch toán doanh thu

a) Tài khoản để sử dụng hạch toán doanh thu

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 512: Doanh thu nội bộ
- TK515: Doanh thu hoạt động tài chính

b) Nội dung

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản chi tiết:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu đóng thùng
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118: Doanh thu khác

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

Doanh thu bán hàng

Được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: Theo chuẩn mực số 14 (ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ-BTC):

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa

3. Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.

4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu phải xác định thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua trong từng trường hợp cụ thể.

Trong hầu hết các trường hợp, thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro trùng với thời điểm chuyển giao lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hợp pháp hoặc quyền kiểm soát hàng hóa cho người mua. Trường hợp doanh nghiệp còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không còn được ghi nhận. Doanh nghiệp còn chịu rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa dưới nhiều hình thức khác nhau như:

- Khi việc thanh toán bán hàng còn chưa chắc chắn vì còn phụ thuộc vào người mua hàng hóa đó.

- Khi hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và phần lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.

- Khi người đó có quyền hủy việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

- Nếu doanh nghiệp chỉ còn chịu một phần rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì việc bán hàng được xác nhận và doanh thu được ghi nhận. Ví dụ doanh nghiệp còn giữ giấy tờ về quyền sở hữu hàng hóa chỉ để đảm bảo sẽ được nhận đầy đủ các khoản thanh toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Trường hợp lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng còn phụ thuộc yếu tố không chắc chắn thì chỉ ghi nhận doanh thu khi yếu tố không chắc chắn đã xử lý xong. Nếu doanh thu được xác nhận trong trường hợp chưa thu được tiền thì khi xác định khoản tiền nợ phải thu này không thu được thì phải hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ mà không được ghi giảm doanh thu. Khi

xác định các khoản phải thu là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo phương pháp phù hợp. Các chi phí khác kể cả chi phí phát sinh sau ngày giao hàng (như chi phí bảo hành và chi phí khác) thường được xác định chắc chắn khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn. Các khoản tiền nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu mà được ghi nhận là một khoản nợ phải trả tại thời điểm nhận trước tiền của khách hàng. Khoản nợ phải trả của số tiền nhận trước của khách hàng chỉ được ghi nhận doanh thu khi thỏa mãn 5 điều kiện doanh thu ở trên.

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một thời kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động... Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thoả mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Các chứng từ kế toán liên quan:

- + Hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT)
- + Phiếu xuất kho
- + Biên bản bàn giao hàng hóa, thành phẩm
- + Sổ chi tiết, sổ cái...
- + Chứng từ tính thuế
- + Phiếu thu tiền mặt
- + Giấy báo có của ngân hàng.

*** Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cần tôn trọng một số quy định sau:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thu đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do những nguyên nhân sau: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo về quy cách phẩm chất, ghi nhận trong hợp đồng kinh tế) và doanh nghiệp phải nộp thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế GTGT

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với những sản phẩm, hàng hóa chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu.

- Đối với doanh nghiệp ghi nhận bán hàng theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền hoa hồng được hưởng.

- Đối với những doanh nghiệp nhận gia công chế biến chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công chế biến được không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công chế biến.

- Trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là trả tiền ngay, lãi trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với doanh thu cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê trong nhiều năm thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

- Đối với những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Nhà Nước được nhà nước trợ cấp, trợ giá thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền được nhà nước trợ cấp giá.

- Trong trường hợp doanh nghiệp đã xuất hóa đơn và thu tiền bán hàng nhưng cuối kỳ chưa bàn giao cho khách hàng thì được ghi vào bên có tài khoản phải thu khách hàng.

- Không hạch toán vào tài khoản 511 các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp giữa công ty, tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho nhau giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên.

+ Trị giá sản phẩm hàng hóa đang gửi bán dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là đã bán)

+ Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 512:" Doanh thu bán hàng nội bộ"

TK này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực

thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

Nội dung phản ánh của TK 512 cũng giống như TK 511

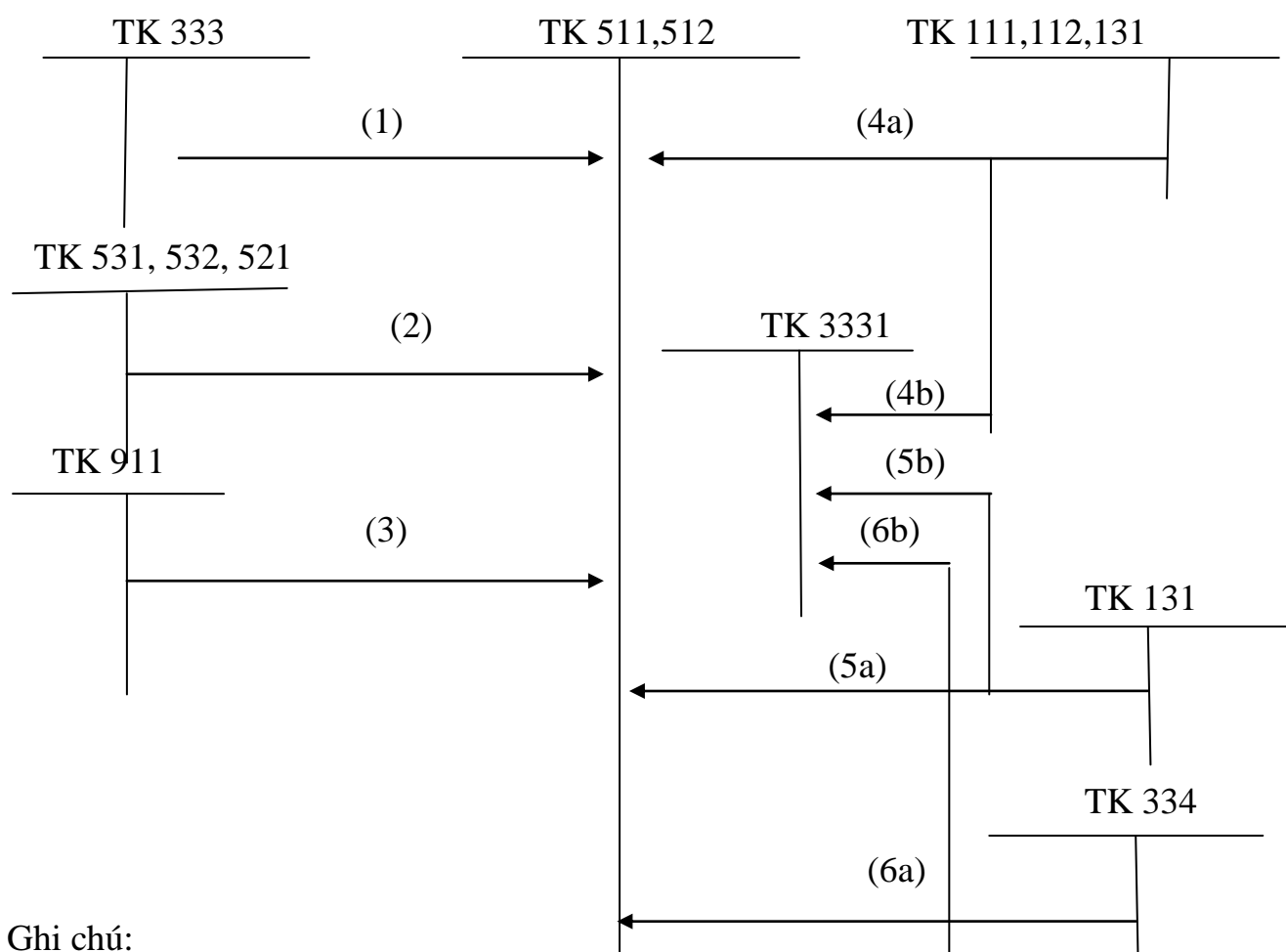
Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp chi tiết theo TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 131...

c) Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng qua từng phương thức:
Sơ đồ 01: Kế toán tập hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



Ghi chú:

(1) Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB phải nộp vào ngân sách nhà nước, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp

(2) Cuối kỳ kết chuyển CKTM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

(3) Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần

(4a) Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá

(4b) Thuế GTGT hàng hoá đầu ra do bán sản phẩm, hàng hoá

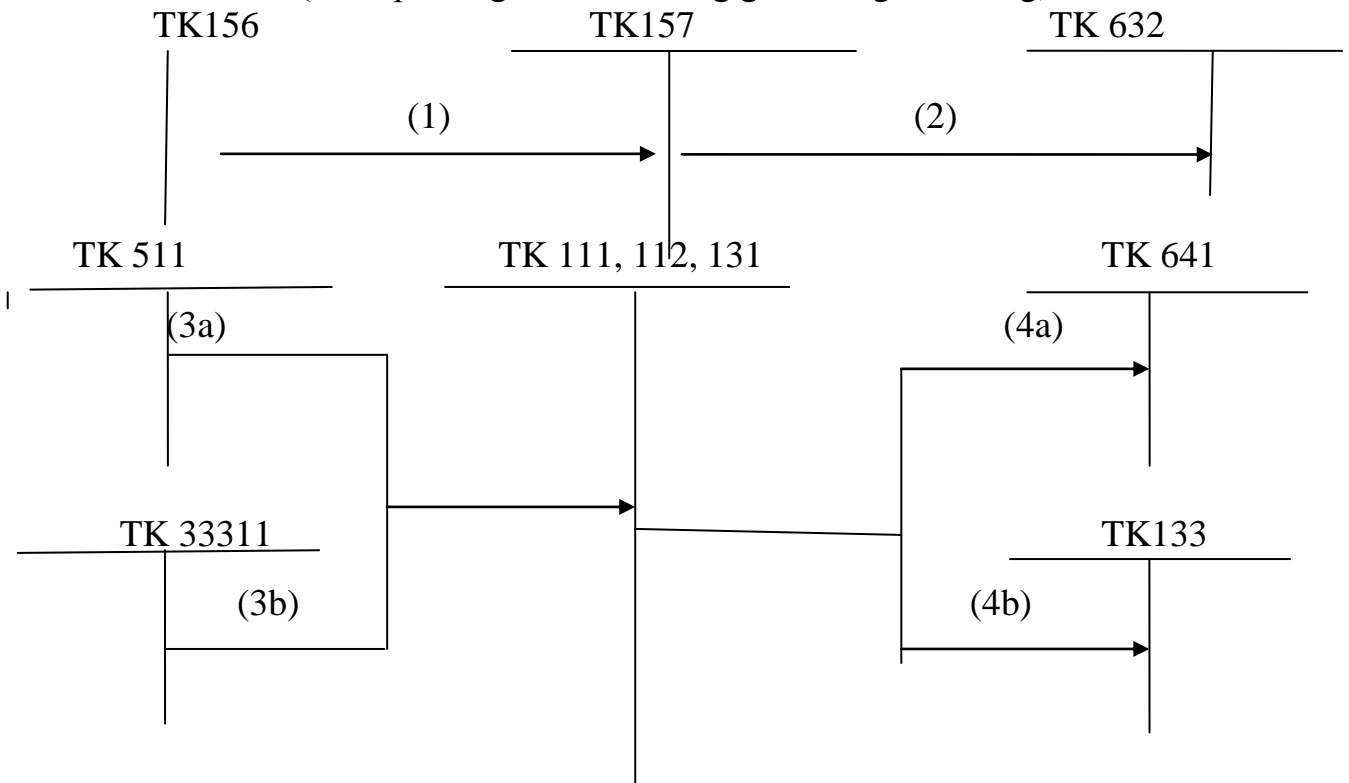
(5a) Bán hàng theo phương thức đổi hàng

(5b) Thuế GTGT đầu ra theo phương thức đổi hàng

(6a) Trả lương bằng sản phẩm, hàng hoá

(6b) Thuế GTGT đầu ra của sản phẩm, hàng hoá dùng trả lương cho công nhân viên.

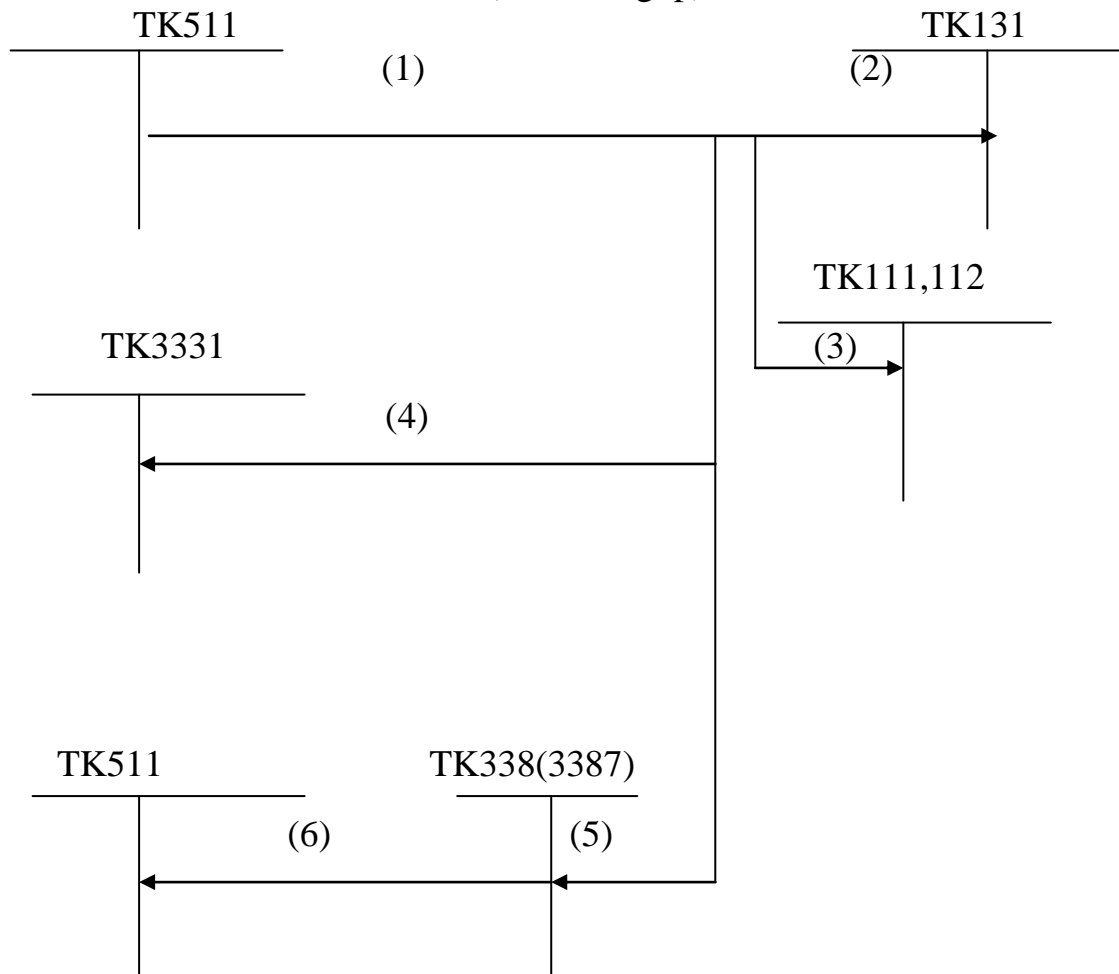
Sơ đồ 02: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý
(theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Ghi chú:

- (1) Khi xuất kho thành phẩm, hàng hoá giao cho các đại lý (theo phương pháp kê khai thường xuyên).
- (2) Khi thành phẩm, hàng hoá giao đại lý bán được
- (3a) Doanh thu bán đại lý
- (3b) Thuế GTGT đầu ra
- (4a) Hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý
- (4b) Thuế GTGT đầu vào

**Sơ đồ 03: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm
(hoặc trả góp)**



Ghi chú:

- (1) Doanh thu bán hàng (ghi theo giá bán trả tiền ngay)
- (2) Tổng số tiền còn phải thu của khách hàng
- (3) Số tiền đã thu của khách hàng
- (4) Thuế GTGT đầu ra
- (5) Lãi trả góp hoặc lãi trả chậm phải thu khách hàng
- (6) Định kỳ kết chuyển doanh thu là tiền lãi phải thu từng kỳ

1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong công tác quản lý hoạt động bán hàng và xác định kết quả kinh doanh vai trò của kế toán rất quan trọng. Nó phản ánh tình hình vận động của hàng hóa, hoạt động tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Các thông tin mà kế toán cung cấp không chỉ phục vụ cho công tác quản lý kinh tế của doanh nghiệp mà còn là đối tượng quan tâm của các nhà đầu tư, cơ quan thuế, chủ nợ...

Thông tin kế toán giúp các nhà quản trị doanh nghiệp nắm vững được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, sự biến động của nó, thiết lập sự cân đối giữa sản xuất và tiêu thụ, tìm ra những phương án kinh doanh có hiệu quả nhất.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá theo

chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

- Ngoài ra kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.2.3 Tổ chức kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a) Khái niệm:

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất thực tế hay chi phí sản xuất thực tế. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn hàng bán là thực tế (giá gốc) ghi sổ.

b) Nội dung

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm (đơn vị sản xuất) là giá mua hàng hoá cộng chi phí thu mua hàng hoá (công ty thương mại). Giá vốn tại đơn vị sản xuất bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ.

- Chi phí nhân công trực tiếp: chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ thuộc danh sách quản lý của doanh nghiệp và cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc như: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương.

- Chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung bao gồm toàn bộ chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, gồm: lương nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả của nhân viên phân xưởng, bộ phận, đội sản xuất...

Có các phương pháp sau:

- Xuất kho theo giá thực tế:

*** Phương pháp bình quân gia quyền:**

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất * Đơn giá thực tế bình quân

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Nếu sau mỗi lần nhập xuất kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá thì đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền liên hoàn.

* **Phương pháp nhập trước, xuất trước (pp FIFO):** Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá mới của những lần nhập sau cùng.

* **Phương pháp nhập sau, xuất trước (pp LIFO):** Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc: trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá cũ của các lần nhập trước đó.

* **Phương pháp thực tế đích danh:** Doanh nghiệp quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hoá đó để tính giá thực tế xuất kho.

* *Giá hạch toán*

Đối với doanh nghiệp quy mô lớn, khối lượng chủng loại vật liệu, hàng hoá nhiều chủng loại, phức tạp, tình hình nhập xuất diễn ra thường xuyên nên việc xác định đơn giá xuất kho hết sức khó khăn, tốn kém và không hiệu quả nên các đơn vị này sử dụng giá hạch toán để tính giá xuất kho.

$$\text{Giá trị hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng} * \text{Đơn giá hạch toán theo giá hạch toán xuất kho}$$

Cuối kỳ, kế toán xác định giá thực tế xuất kho để điều chỉnh lại đơn giá xuất kho.

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \frac{\text{Hệ số chênh lệch} * \text{Giá thực tế hàng tồn đầu kỳ}}{\text{Giá thực tế hàng tồn đầu kỳ}} + \text{Giá thực tế hàng nhập trong kỳ}$$

$$\text{Hệ số chênh lệch} = \frac{\text{Giá hạch toán hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán hàng nhập trong kỳ}}{\text{Giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}$$

* *Các phương thức bán hàng:*

- Bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất

quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.

- Bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán, gửi hàng đại lý, ký gửi: Bán hàng đại lý, ký gửi là phương thức bên chủ hàng(bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi(gọi là bên nhận đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Bán hàng theo phương thức trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo là bằng nhau trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

c) Tài khoản sử dụng

TK 155 – Thành phẩm

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp.

TK 156 – Hàng hóa

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

TK 156 có 3 tài khoản cấp 2

TK 1561 – Giá mua hàng hóa

TK 1562 – Chi phí thu mua hàng hóa

TK 1567 – Hàng hóa bất động sản

TK 157 – Hàng gửi đi bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi; hàng hóa, sản phẩm chuyển cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán; trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Tài khoản này được dùng cho tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực.

TK 611 – mua hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

TK 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

TK 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2

TK 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hóa

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

Ngoài ra, TK này còn phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

d) Phương pháp hạch toán

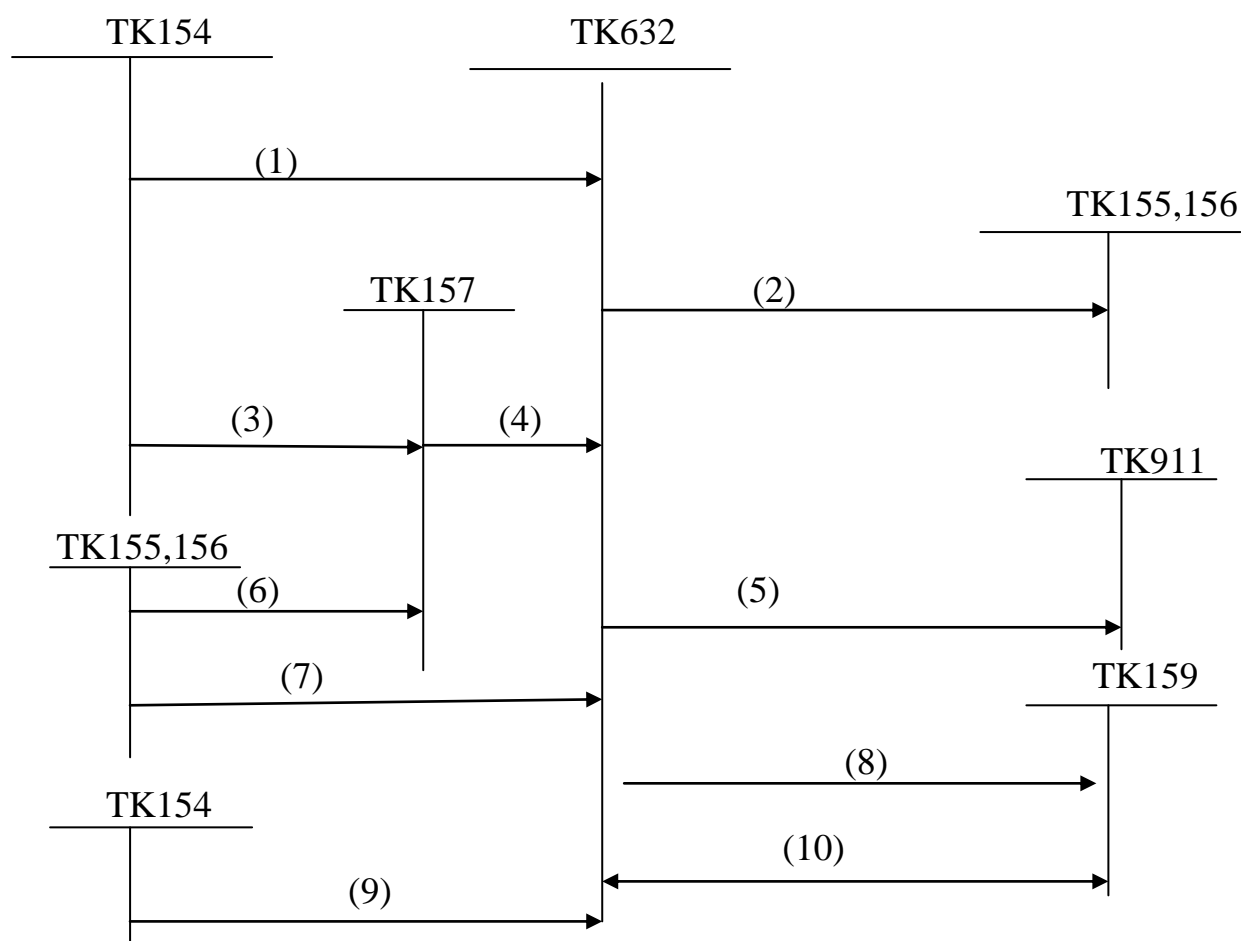
**Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)*

Phương pháp KKTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 04 Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



Ghi chú:

- (1) Thành phẩm SX ra tiêu thụ ngay không qua nhập kho
- (2) TP, HH đã bán bị trả lại nhập kho
- (3) Thành phẩm SX ra gửi đi bán không qua nhập kho
- (4) Khi hàng gửi đi bán được xác định là tiêu thụ
- (5) Cuối kỳ, k/c giá vốn hàng bán của TP, HH, DV đã t.thụ
- (6) Thành phẩm, hàng hóa xuất kho gửi bán
- (7) Xuất kho TP, HH để bán
- (8) Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK
- (9) Cuối kỳ, K/C giá thành dịch vụ hoàn thành tiêu thụ trong kỳ
- (10) Trích lập dự phòng giảm giá HTK

***Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

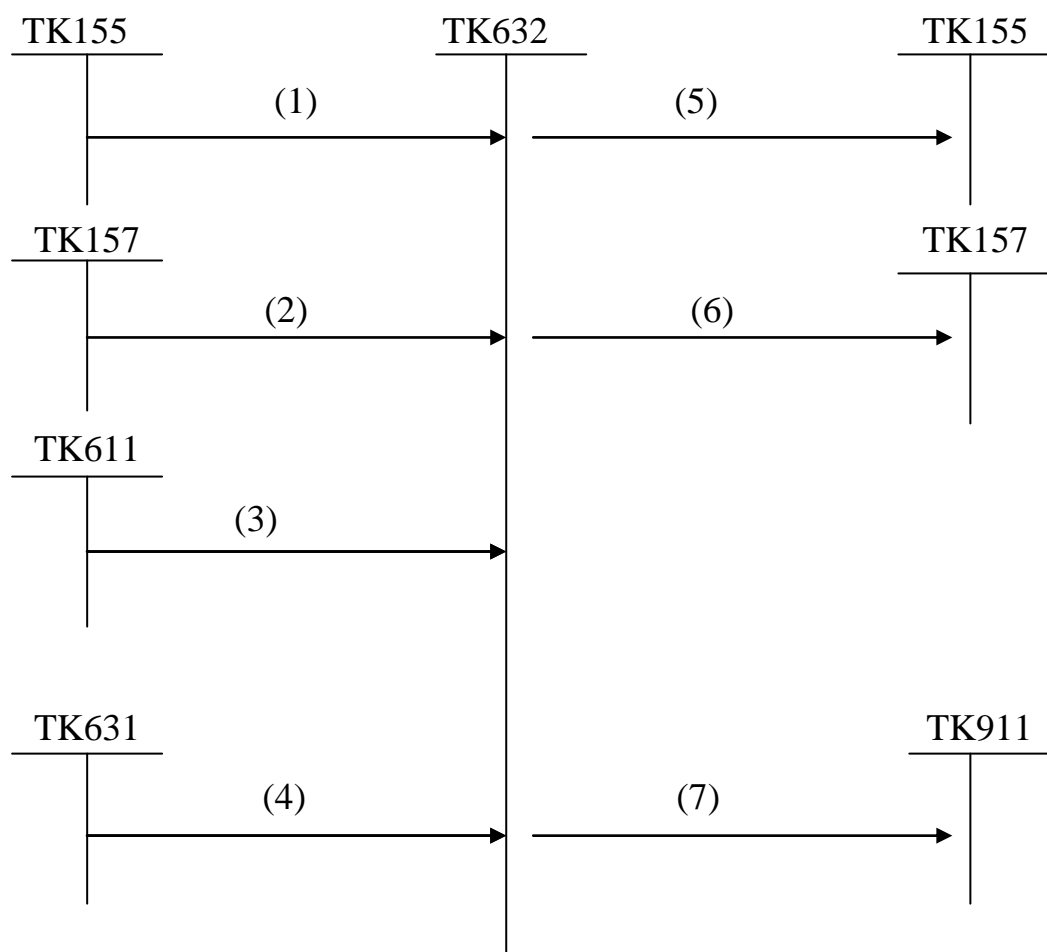
Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

$$\text{Số lượng hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ} + \text{Số lượng hàng tồn cuối kỳ}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

$$\begin{array}{cccccc} \text{Trị giá} & \text{Trị giá} & \text{Trị giá vốn} & \text{Trị giá} & \text{Trị giá} & \text{Trị giá thực} \\ \text{vốn của} & \text{thực tế} & \text{của HH gửi} & \text{thực tế} & \text{vốn thực} & \text{tế của HH} \\ \text{hàng} & \text{của HH} & \text{của HH gửi} & \text{của HH} & \text{của HH} & \text{gửi bán} \\ \text{bán} & \text{tồn kho} & \text{bán chưa xác} & \text{nhập kho} & \text{tồn kho} & \text{chưa xác} \\ \text{trong kỳ} & \text{đầu kỳ} & \text{định tiêu thụ} & \text{trong kỳ} & \text{cuối kỳ} & \text{định tiêu} \\ & & \text{đầu kỳ} & & & \text{thụ cuối kỳ} \end{array}$$

Khác với phương pháp KKTX, phương pháp KKĐK sử dụng thêm TK 611 và các nghiệp vụ chỉ thực hiện vào đầu và cuối các kỳ kế toán. Các nghiệp vụ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 05:Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK

Ghi chú:

- (1) Đầu kỳ, K/C trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ
- (2) Đầu kỳ, K/C trị giá vốn của TP đã gửi bán chưa xác định là t.thụ đkỳ
- (3) Cuối kỳ, xác định và k/c trị giá vốn của HH đã xuất bán được xác định là tiêu thụ (DN TM)
- (4) Cuối kỳ, XD và k/c trị giá thành dịch vụ đã hoàn thành
- (5) Cuối kỳ, K/C trị giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ
- (6) Cuối kỳ, xác định và k/c trị giá vốn của TP đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ
- (7) Cuối kỳ, xác định và k/c giá vốn hàng bán của TP, HH, DV

1.2.3.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a) Tài khoản kế toán sử dụng*****Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

***Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

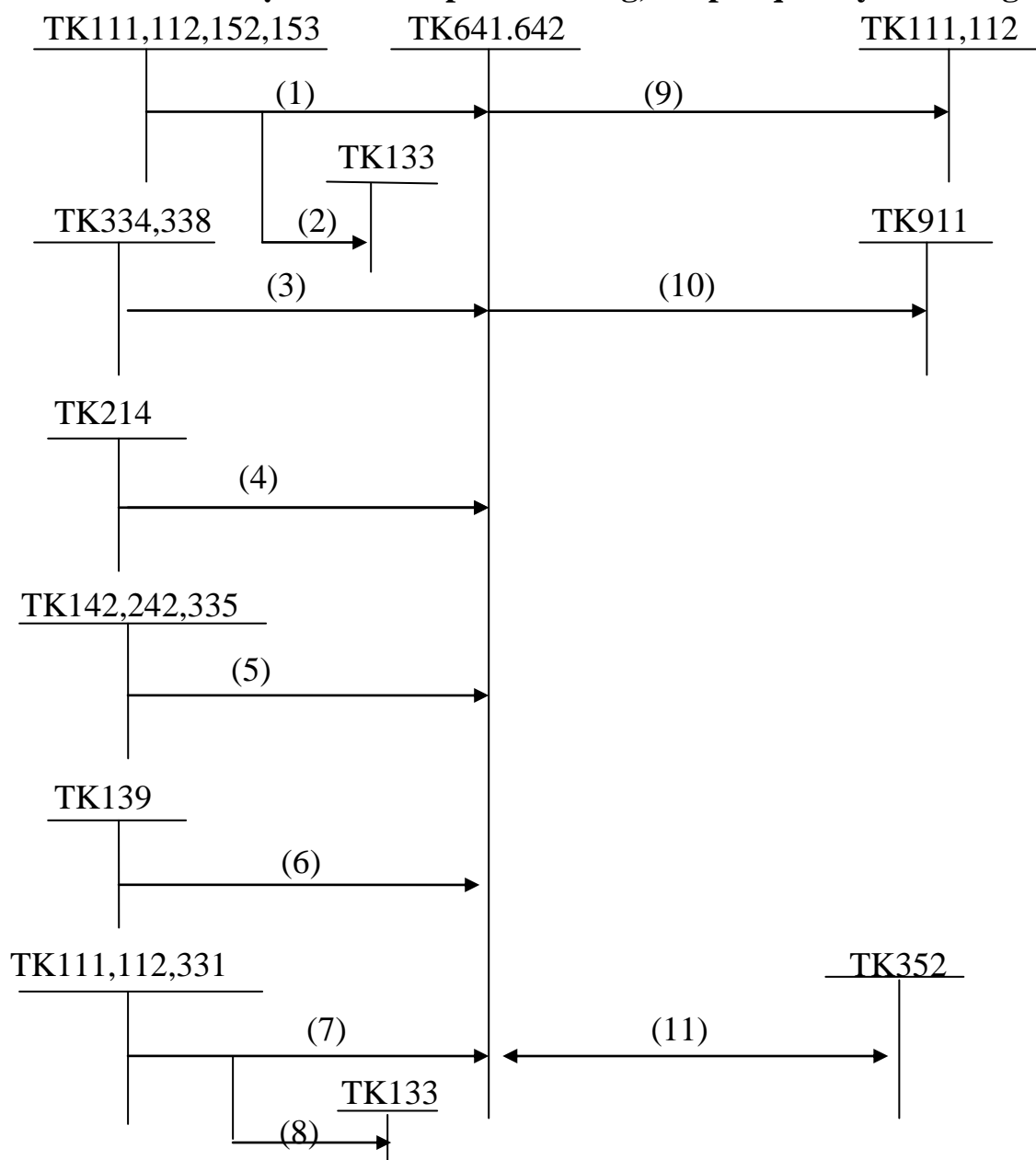
Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

b) Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 06: Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



- (1) Chi phí vật liệu công cụ
- (2) Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- (3) Chi phí tiền lương và các khoản trích trên lương
- (4) Chi phí khấu hao TSCĐ
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
- (6) Dự phòng phải thu khó đòi
- (7) Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí bằng tiền khác
- (8) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu tính vào chi phí bán hàng
- (9) Các khoản thu giảm chi
- (10) K/c chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- (11) Trích lập dự phòng phải trả, Hoàn nhập dự phòng phải trả

1.2.3. 3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Khái niệm:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận của một kỳ. Trong đó:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc thu trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

b) Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**.

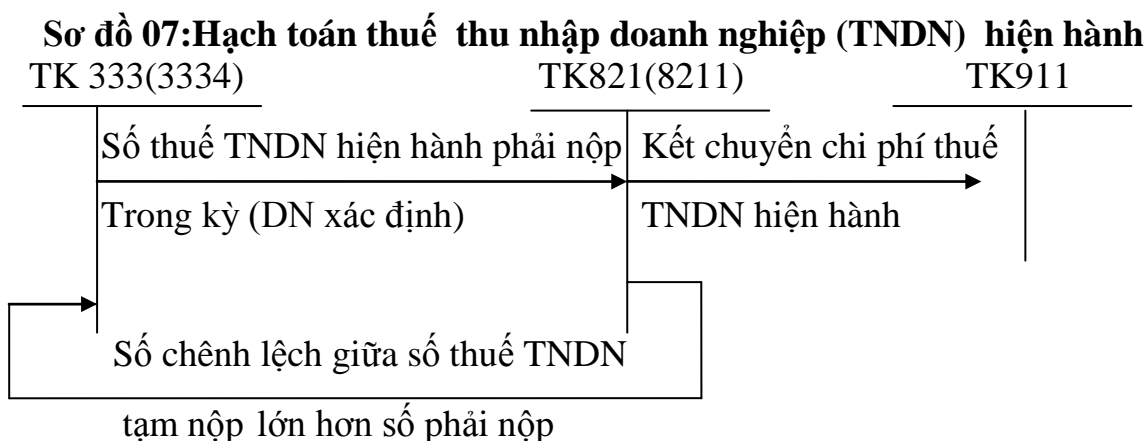
Tài khoản này được dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{trong năm} \\ \text{tính thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{DT để tính} \\ \text{thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong năm} \\ \text{tính thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CP hợp lý} \\ \text{trong năm tính} \\ \text{thuế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế khác} \\ \text{trong năm tính} \\ \text{thuế} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thuế thu} \\ \text{nhập doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

c) Phương pháp hạch toán:



1.2.4 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.1.1 Khái niệm:

Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp...

Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính được xác định trên cơ sở:

- Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

1.2.4.1.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

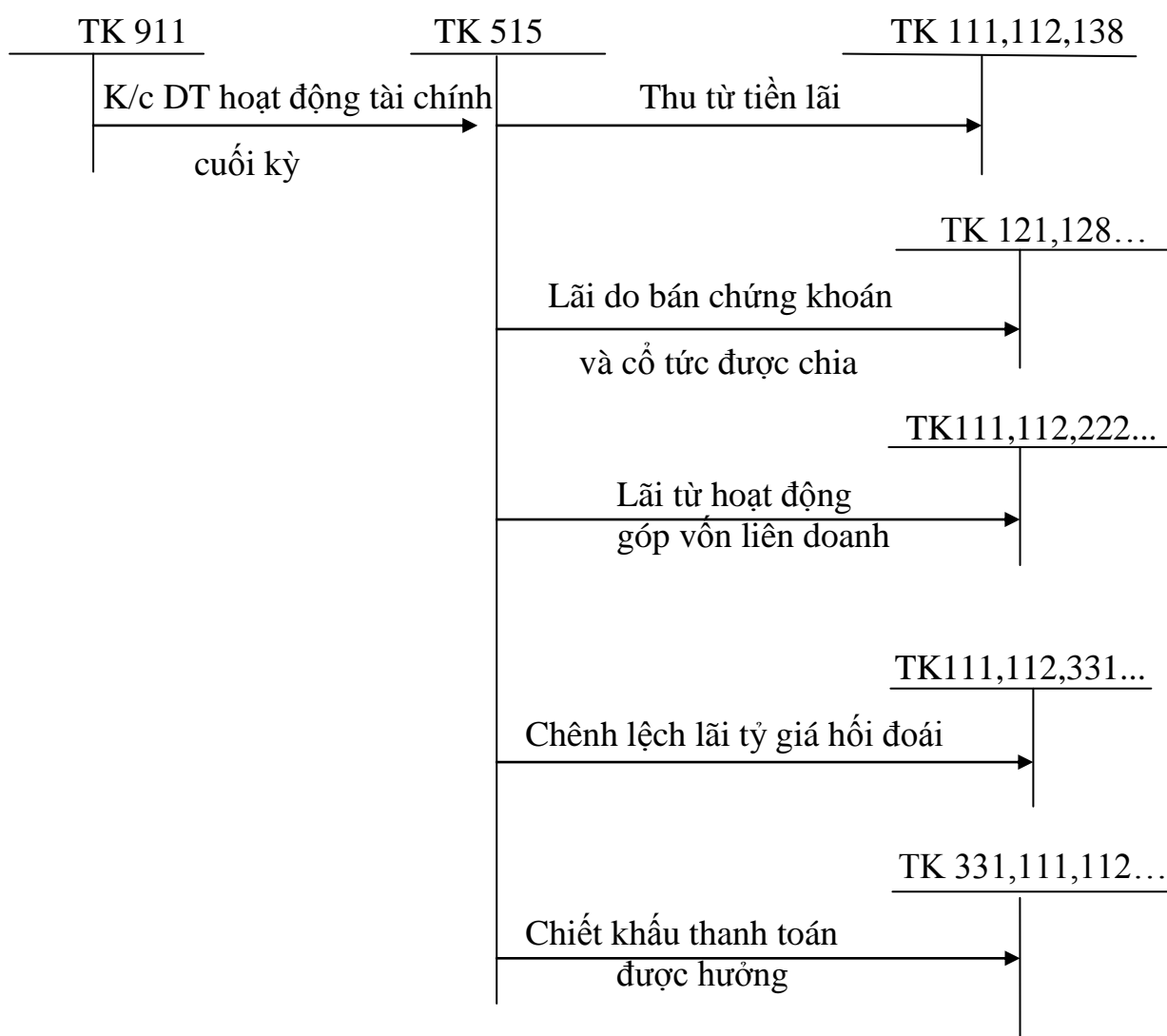
Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.4.1.3 Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 08: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.2.1 Khái niệm

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

1.2.4.2.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

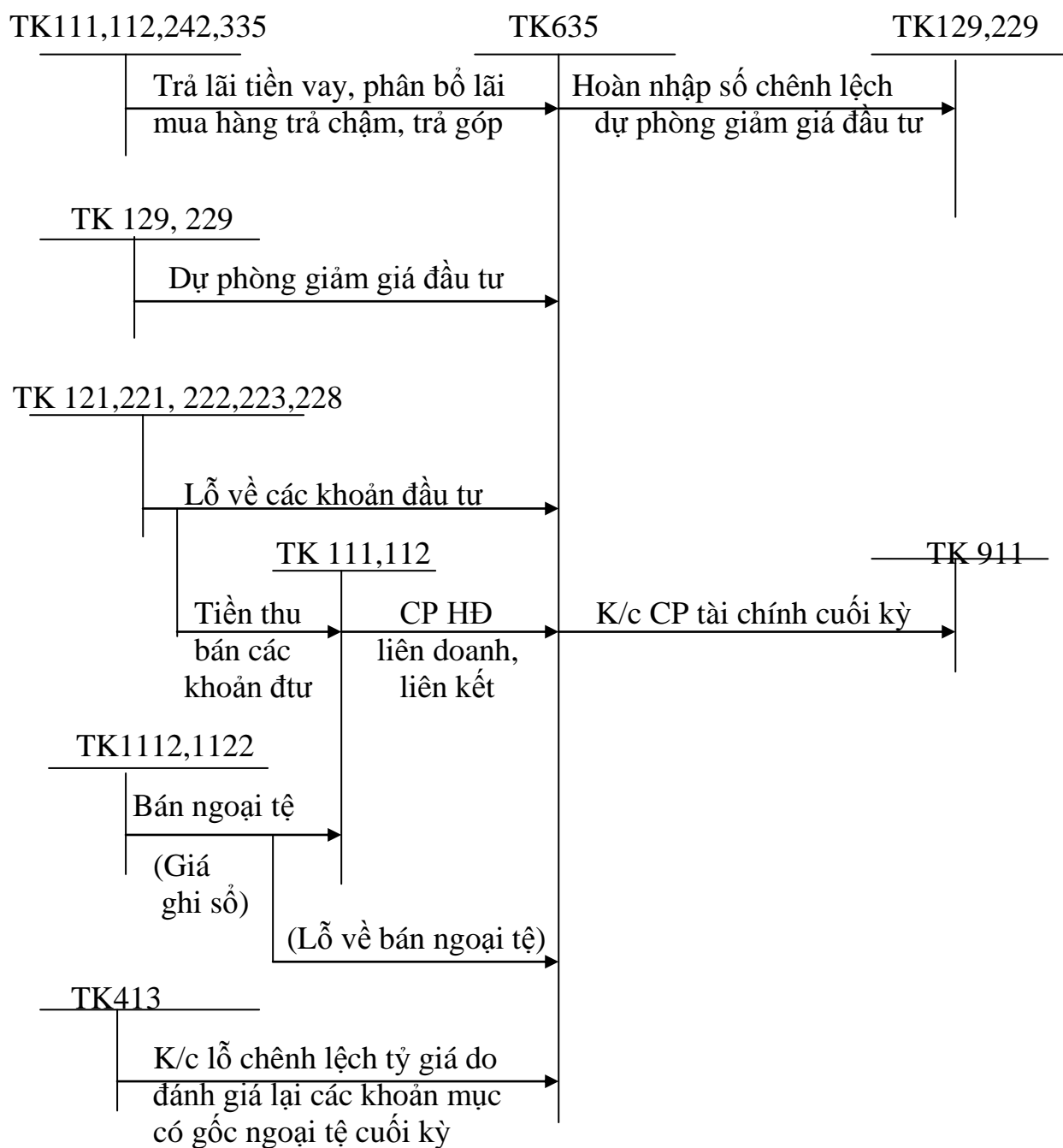
Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

Không hạch toán vào Tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí kinh doanh bất động sản.
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản.
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác.
- Chi phí tài chính khác.

1.2.4.2.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 09: Hạch toán chi phí tài chính



1.2.5 Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.2.5.1 Kế toán thu nhập khác

1.2.5.1.1 Khái niệm:

1.2.5.1.2 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

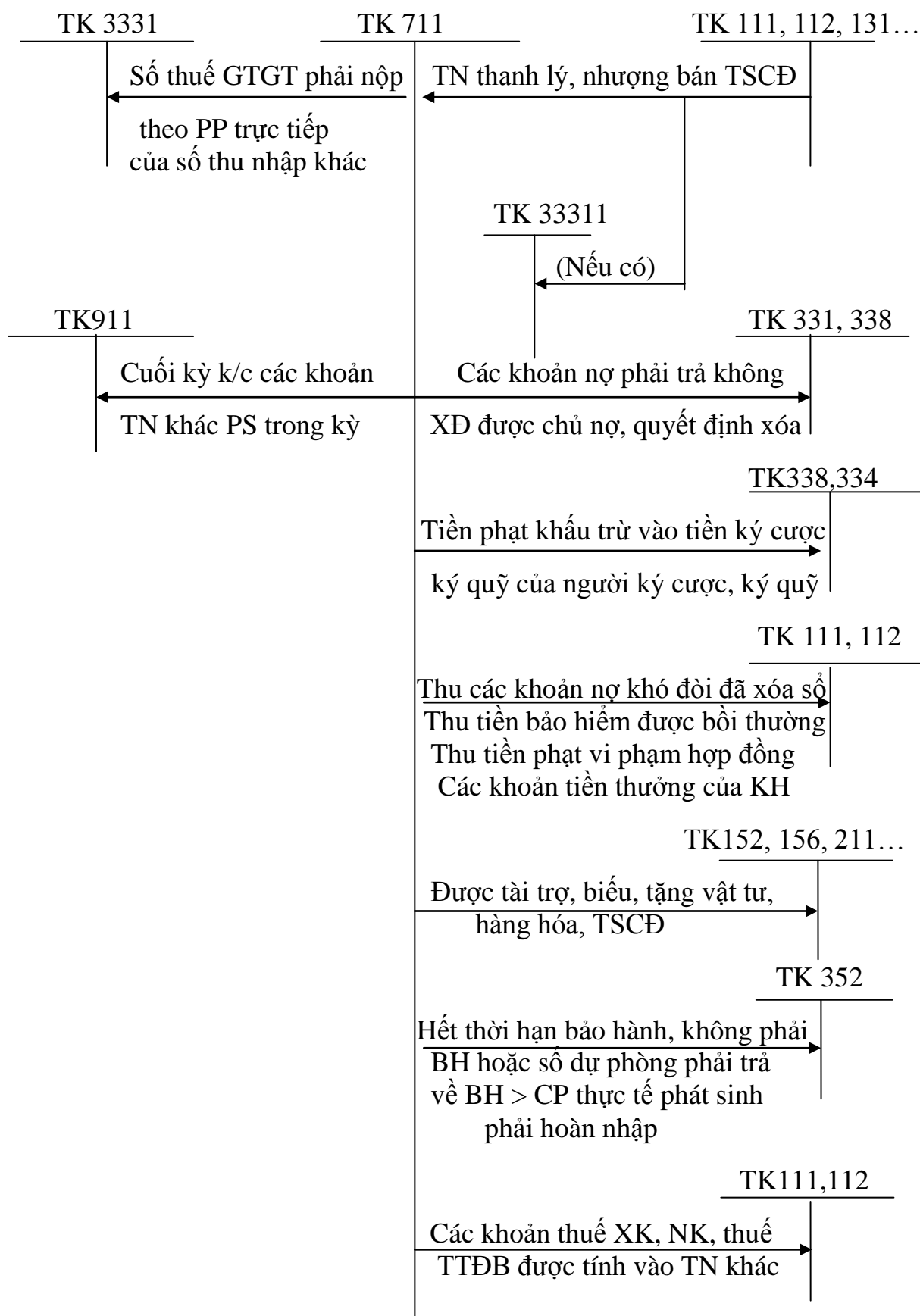
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.2.5.1.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 10: Hạch toán thu nhập khác



1.2.5.2 Kế toán chi phí khác

1.2.5.2.1 Khái niệm:

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

1.2.5.2.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

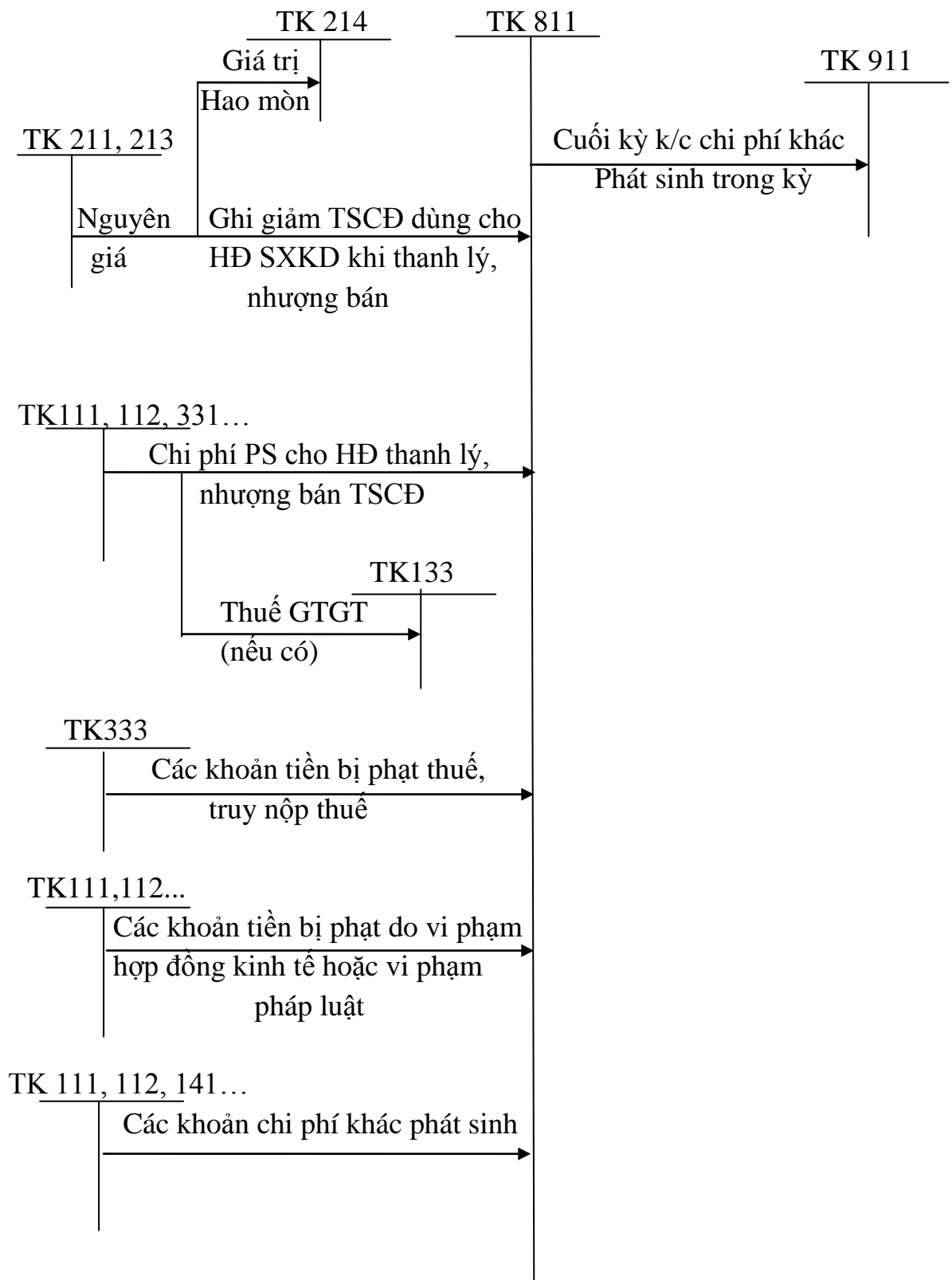
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

1.2.5.2.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 11: Hạch toán chi phí khác



1.2.6 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.6.1 Khái niệm:

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.6.2 Vai trò

Kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mọi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường và là mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh doanh. Kết quả kinh doanh tốt là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh, khẳng định vị thế của mình trên thương trường. Kết quả không tốt do trình độ quản lý thấp, không có năng lực trong kinh doanh, sẽ làm cho hoạt động của doanh nghiệp bị đình trệ và cuối cùng đi đến phá sản.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh doanh thu thu được với chi phí, nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác

định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.2.6.3 Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TK này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

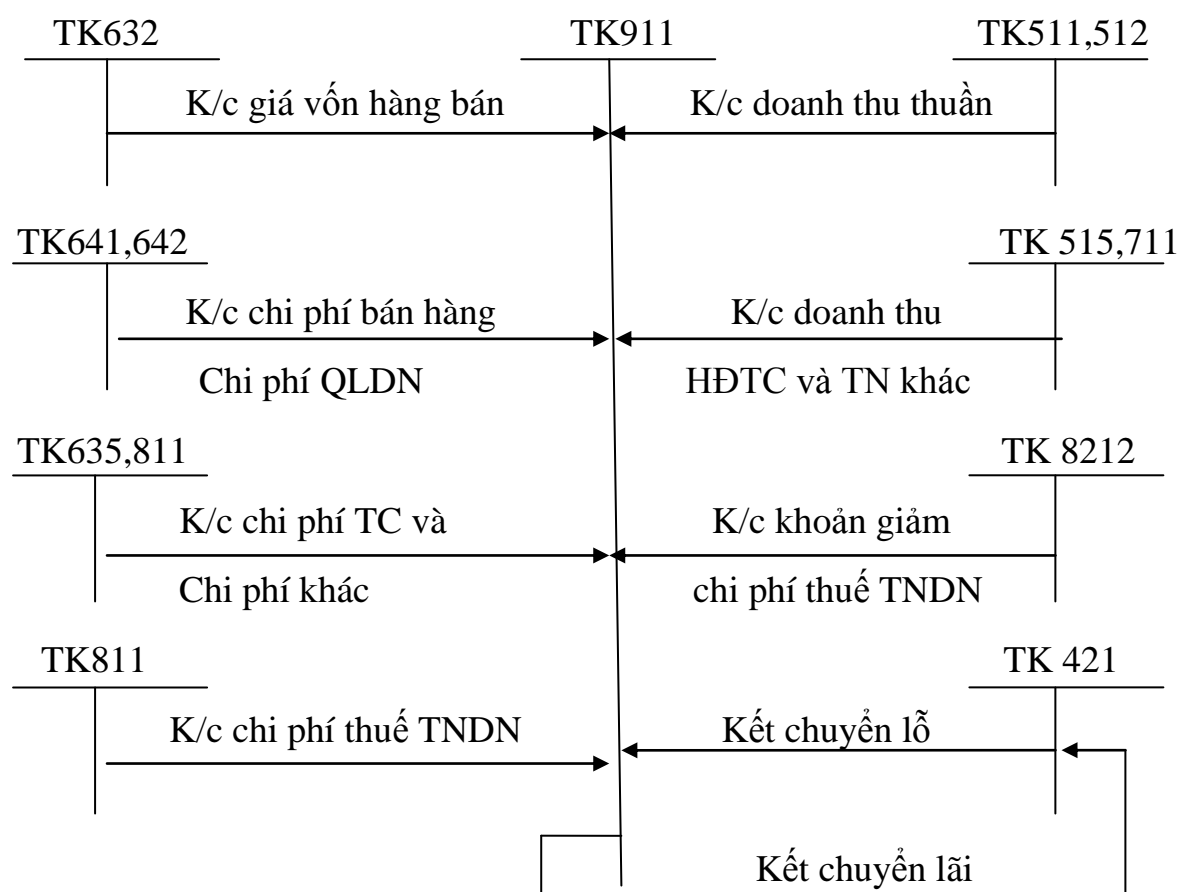
TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

TK này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

$$\begin{matrix} \text{Kết quả kinh} \\ \text{doanh} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{sản xuất kinh} \\ \text{doanh} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{matrix}$$

1.2.6.4 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 12: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 Tổ chức vận dụng, hệ thống sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Hình thức kế toán là hệ thống sổ kế toán bao gồm: số lượng sổ, kết cấu mẫu sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ được sử dụng để ghi chép tổng hợp, hệ thống hóa các số liệu từ chứng từ gốc theo trình tự và phương pháp nhất định nhằm cung cấp tài liệu có liên quan đến các chỉ tiêu kinh tế - tài chính phục vụ việc lập báo cáo kế toán.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

* Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

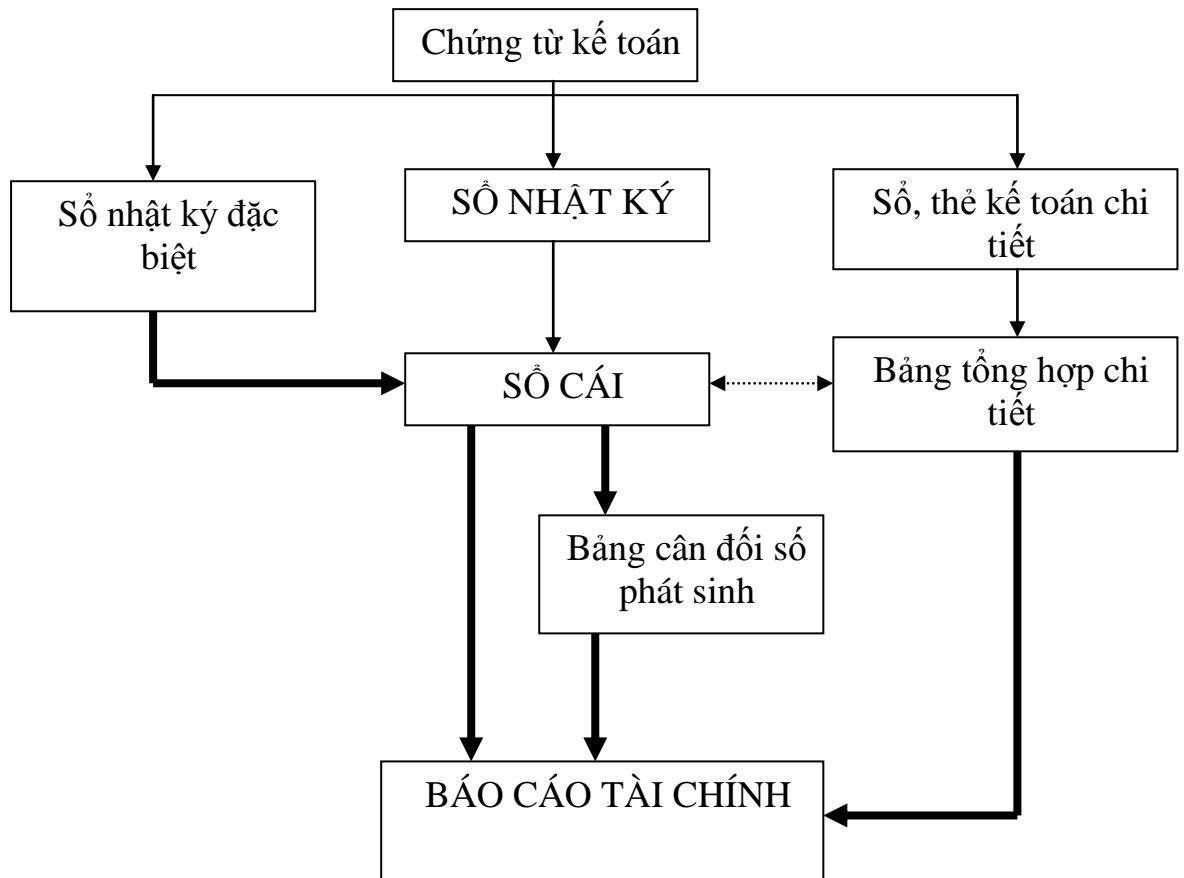
Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung , Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Biểu số

01)

Biểu số 01 TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

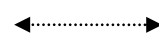
Ghi hằng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

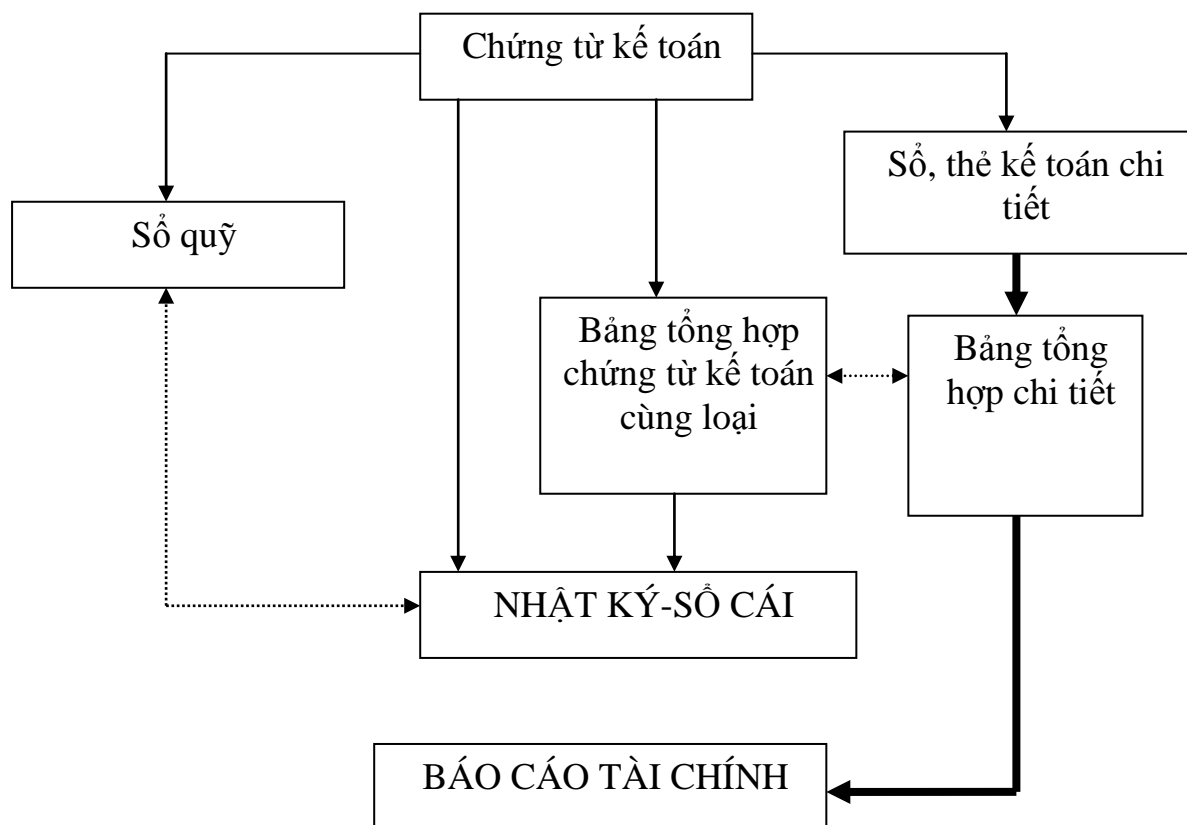
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo các tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

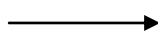
* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái (Biểu số 02)

Biểu số 02 TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ-SỔ CÁI



Ghi chú:

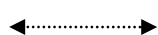
Ghi hằng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

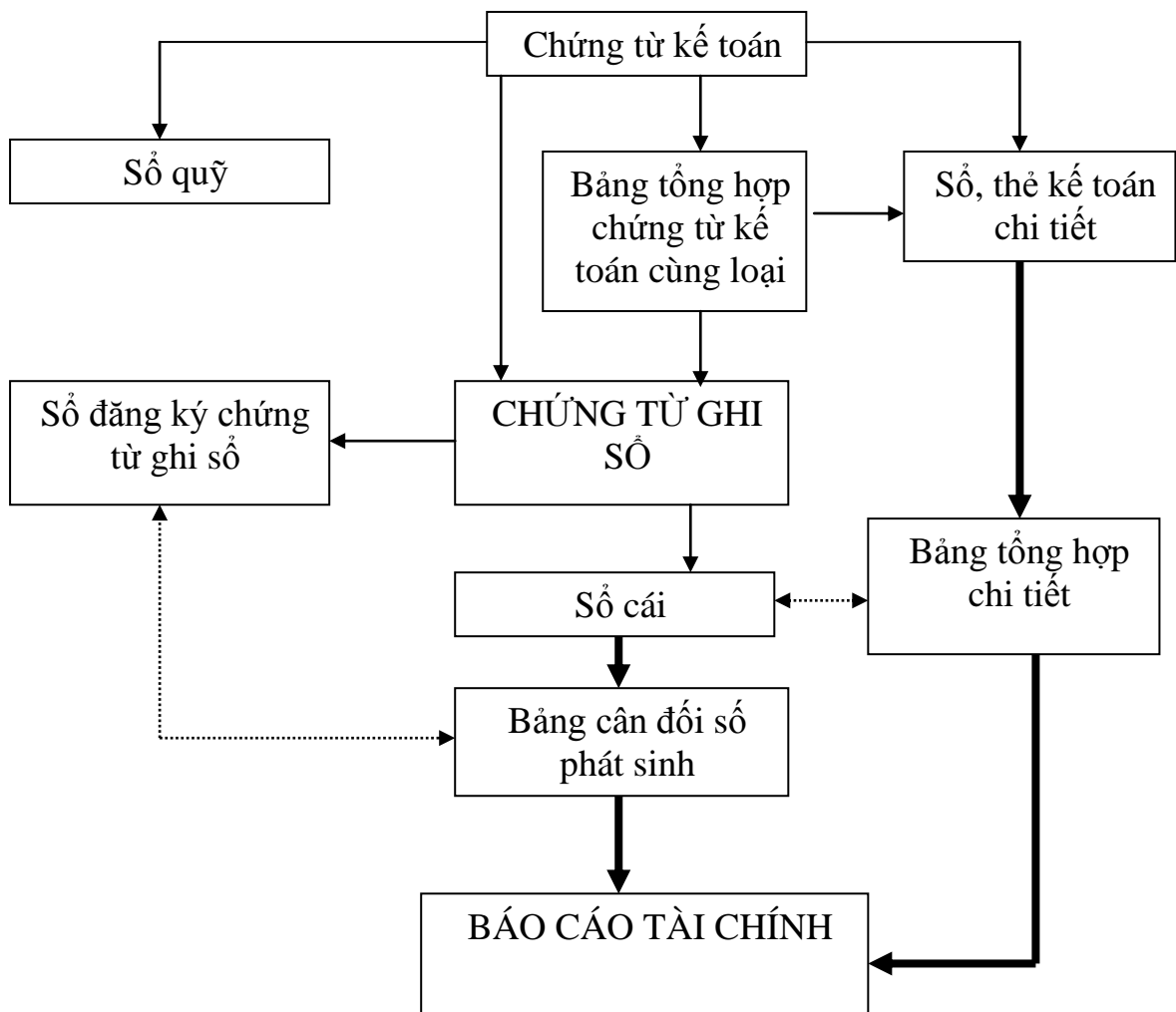
- + Ghi theo tình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ:
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ:
- Sổ cái: các Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

BIỂU SỐ 03 TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú:

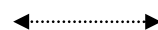
Ghi hằng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



1.3.4 Hình thức sổ kế toán Nhật kí – Chứng từ

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí – Chứng từ (NKCT)

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

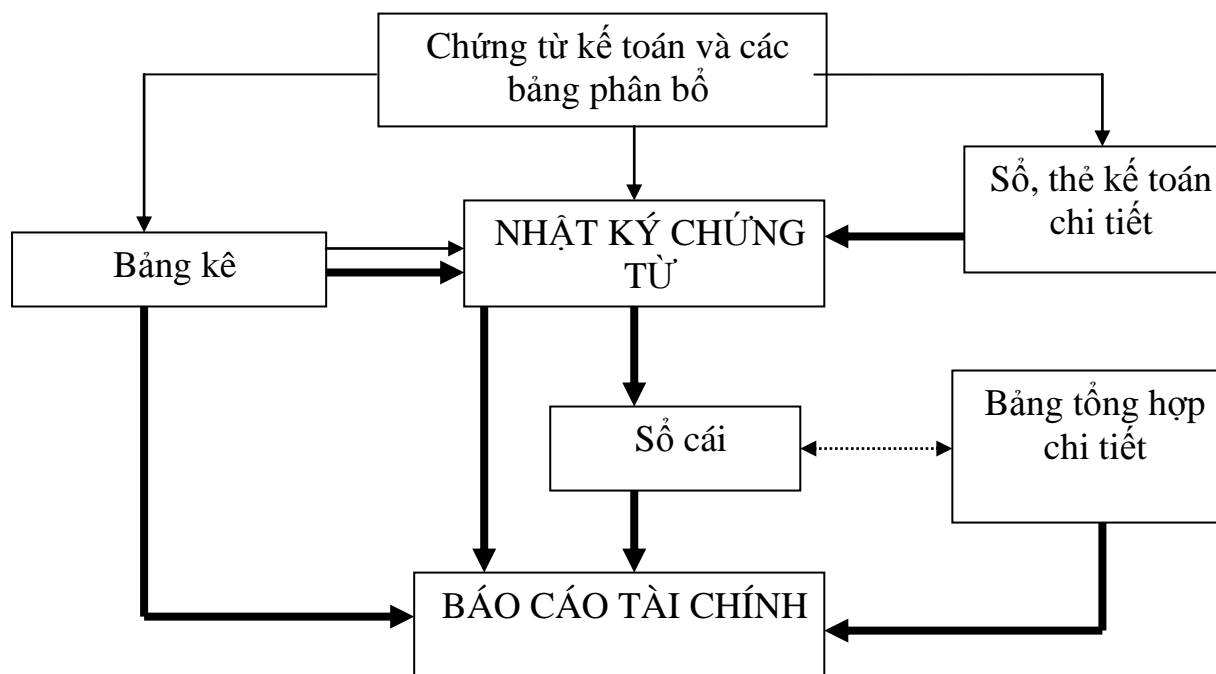
- Sử dụng các mẫu số in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chi tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật kí – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái; sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

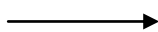
*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật kí – Chứng từ (Biểu 04)

BIỂU SỐ 04 TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ – CHỨNG TỪ



Ghi chú:

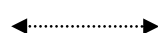
Ghi hằng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

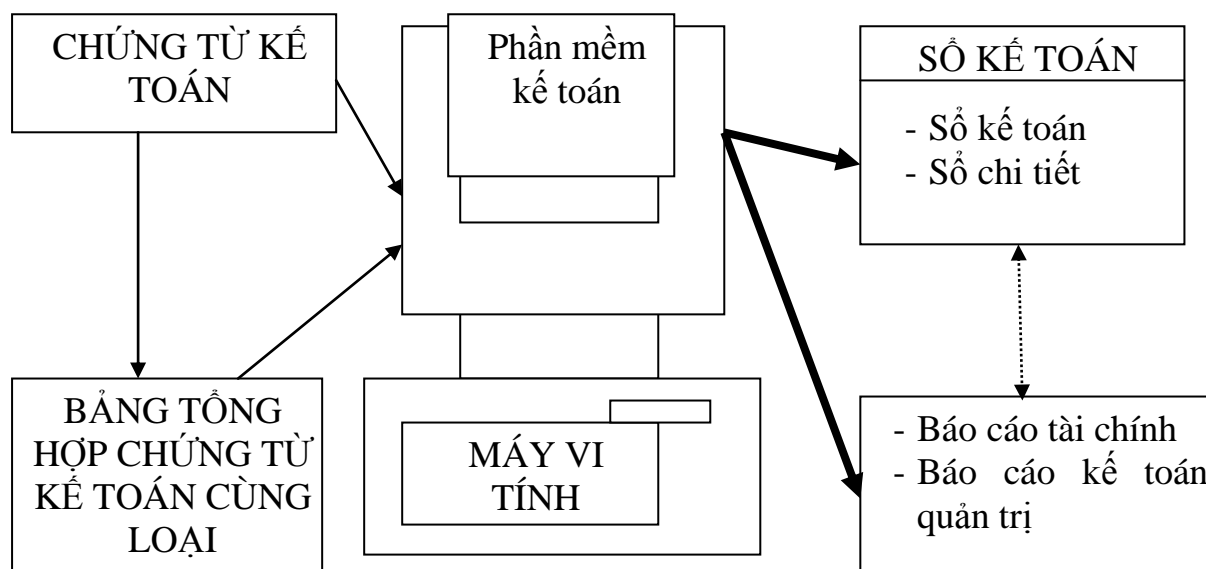
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay,

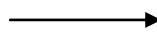
*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Biểu số05: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:

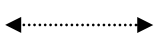
Nhập số liệu hằng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



CHƯƠNG 2 :THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HUNG THỊNH

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Hưng Thịnh

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Hưng Thịnh

Công ty TNHH Hưng Thịnh được thành lập ngày theo giấy phép kinh doanh số 0200140773, cấp ngày 14/01/1997 và sửa đổi bổ sung lần 2 vào ngày 20/03/2011 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của toàn thành phố.

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Hưng Thịnh
- Tên viết tắt: Công ty TNHH Hưng Thịnh
- Tên tiếng anh: HUNGTHINH COMPANY LIMITED
- Người đại diện: Đỗ Khắc Miền
- Mã số thuế: 0200140773
- Số điện thoại:0904247789
- Fax:0313753201
- Website:hungthinhsteel.com.vn
- Địa chỉ:Đường Máng-An Đồng-An Dương-Hải Phòng

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Thịnh là công ty có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự trách nhiệm về kết quả kinh doanh.

Trải qua 15 năm hình thành và lớn mạnh, công ty đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về chất lượng cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là các sản phẩm thép:

- Lưới B40
- Lưới B41
- Lưới lục giác
- Dây thép
- Que hàn

- Đinh
- Thép góc
- Thép hình
- Thép ống
- Thép hộp
- Lưới thép A4
- Sơn
- Sắt vụn
- Rô đá.....

Những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong những năm qua.

Sau gần 15 năm hình thành và phát triển, công ty đã lập được nhiều thành tích. Cơ bản, đầu tiên là công ty đã xây dựng được cơ sở hạ tầng kiên cố, rộng rãi, mua sắm trang thiết bị hiện đại, tuyển dụng đội ngũ công nhân viên có trình độ, giàu kinh nghiệm, nhiệt tình trong công việc.

Trong những năm gần đây, sản phẩm của công ty đã tạo được chỗ đứng trên thị trường, được nhiều doanh nghiệp xây dựng tin dùng, đặt hàng và giới thiệu rộng rãi. Công ty đã mở rộng địa bàn giao hàng trên khắp thành phố Hải Phòng và các tỉnh lân cận.

Điển hình, công ty đã cung cấp nguyên liệu bằng thép cho các dự án của Hải Phòng như dự án xây trường học địa phương, nhà trẻ cấp quận, huyện.....

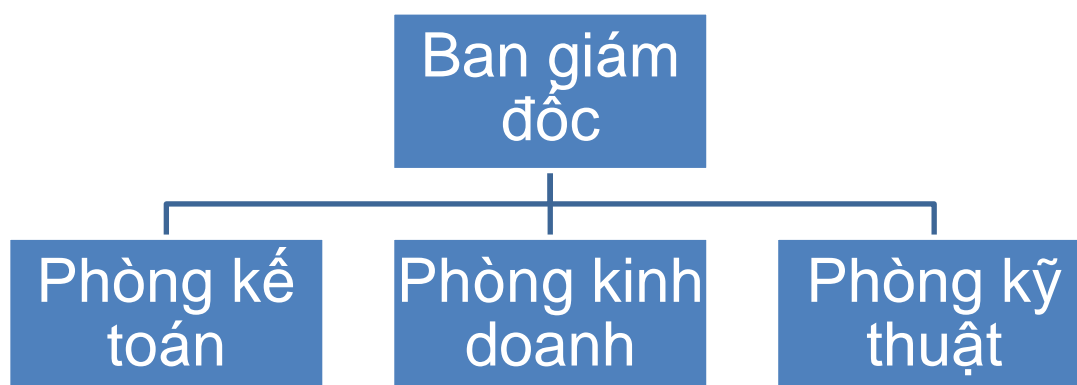
Công ty cũng tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều cá nhân, tạo thu nhập cao, góp phần giảm tệ nạn xã hội, cũng như thực hiện tốt các chính sách xã hội.

Sau đây là báo cáo kết quả kinh doanh của công ty trong những năm gần đây:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Doanh thu	18.227.263.464	37.070.578.900	60.476.926.345
2	Lợi nhuận sau thuế	32.826.963	42.964.836	75.936.946
3	Mức lương cán bộ BQ/tháng	2.000.000	2.500.000	3.200.000
4	Nộp ngân sách	2.005.620.869	4.045.728.474	6.774.481.904

2.1.3 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp của công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp, đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ vào quy trình tình hình thực tế của công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Thịnh tổ chức bộ máy kinh doanh gồm có: ban giám đốc, phòng kế toán, phòng kinh doanh, phòng kỹ thuật.



Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý công ty bao gồm:

–Ban giám đốc: giám đốc có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

–Phòng kinh doanh : có trách nhiệm theo dõi mọi hoạt động kinh doanh của công ty, tiến hành lập kế hoạch và tổ chức bán buôn trực tiếp hàng hóa dịch vụ, đồng thời tư vấn cho giám đốc về phương hướng tổ chức kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ.

–Phòng kế toán : có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, hướng dẫn chỉ đạo các bộ phận thực hiện chế độ ghi chép ban đầu theo đúng quy định. Tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính.

–Phòng kỹ thuật : đảm nhận vai trò và trách nhiệm về kỹ thuật của các sản phẩm hàng hóa. Nghiên cứu từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm. Sửa chữa và bảo hành sản phẩm sau khi bán hàng

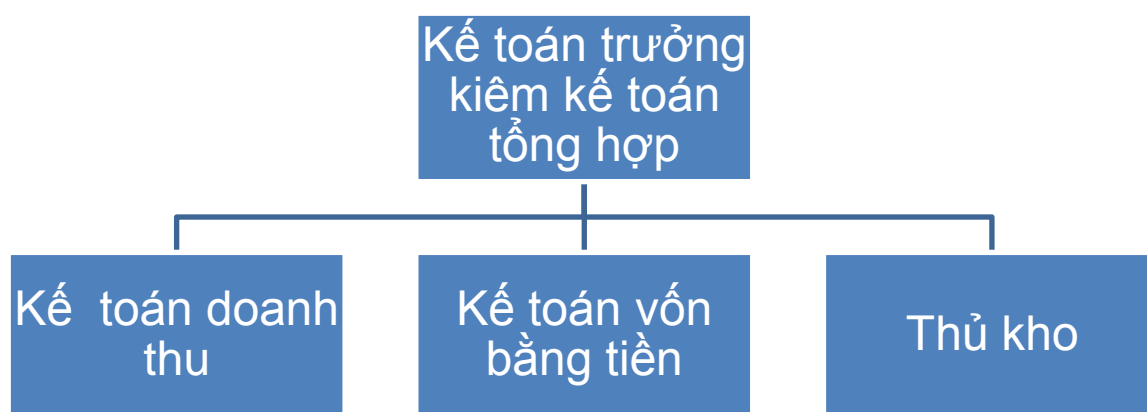
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Tổ chức công tác kế toán bao gồm việc xây dựng các quy trình hạch toán, phân công quy định mối liên hệ giải quyết công việc giữa các nhân viên kế toán

cũng như với các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Tổ chức công tác, bộ máy kế toán gọn nhẹ để thực hiện tốt công tác hạch toán, quản lý tốt tài sản, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho quản lý với chi phí thấp nhất luôn là mong muốn của nhà quản lý.

Công ty TNHH Hưng Thịnh tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, theo mô hình này doanh nghiệp chung có 1 phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây.



Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Chức năng nhiệm vụ kế toán : phòng kế toán công ty bao gồm

- Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp): tổ chức điều hành công việc của phòng kế toán, có trách nhiệm chỉ đạo công việc cho các nhân viên, quản lý tài chính của công ty. Kế toán trưởng là người lập báo cáo tài chính và trực tiếp báo cáo các thông tin kinh tế với nhà nước, giám đốc và cơ quan chức năng khi được yêu cầu.
- Kế toán doanh thu: là kế toán theo dõi tình hình bán hàng, tổng hợp doanh thu, theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho.
- Kế toán vốn bằng tiền : quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền, theo dõi thanh toán thu chi, các thủ tục thanh toán trong công ty.
- Thủ kho: giữ, bảo quản hàng hóa ở kho, xuất, nhập hàng hóa khi có phiếu xuất, nhập

2.1.4.2 Hình thức kế toán và một số chế độ kế toán áp dụng tại công ty

2.1.4.2.1 Chế độ kế toán áp dụng

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam
3. Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính.
4. Hình thức ghi nhận hàng tồn kho
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hóa.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ :TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo quyết định 206/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 12/12/2003.
5. Phương pháp tính thuế: công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.1.2 Hình thức kế toán

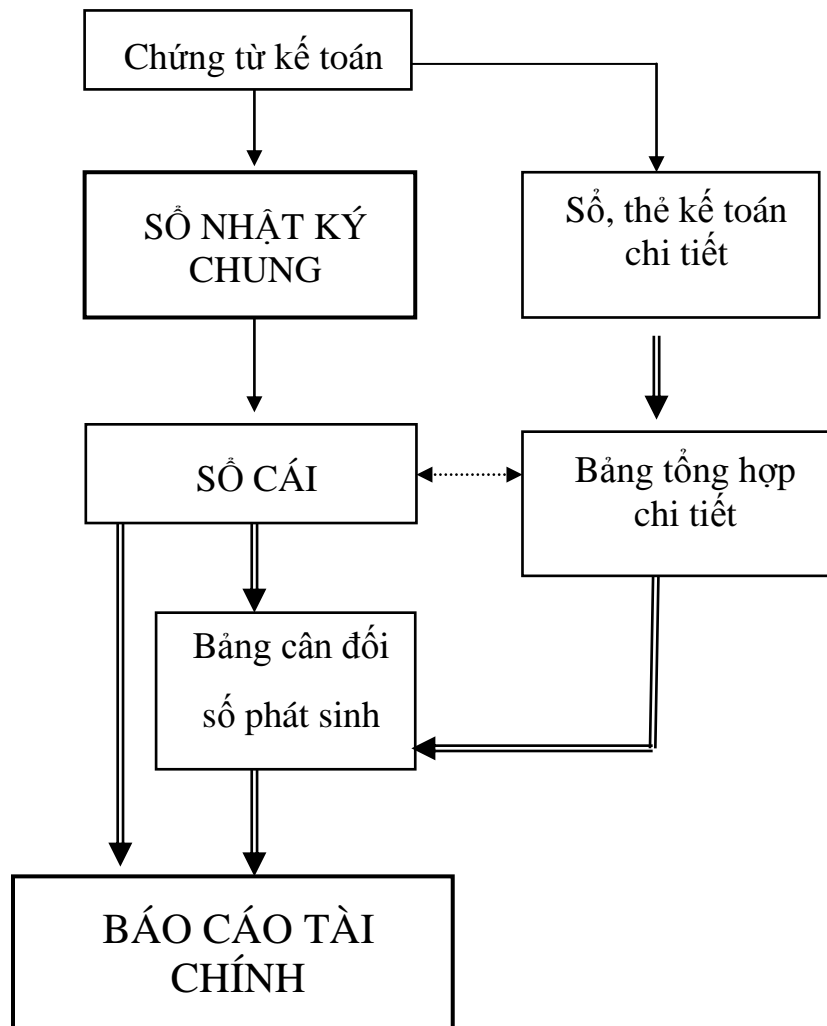
Kể từ ngày thành lập công ty cho đến nay, công ty áp dụng hình thức sổ **Nhật ký chung**. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán này là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ kế toán chi tiết....

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty thể hiện theo sơ đồ sau:

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lí, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ đó vào Nhật kí chung. Căn cứ số liệu ghi trên nhật kí chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật kí chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản.

- Cuối tháng tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.

- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối tài khoản.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối cùng, kế toán cân đối tài khoản làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật kí chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh có trên sổ Nhật kí chung.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh.

2.2.1 Đặc điểm chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh

+ Doanh thu chủ yếu của công ty TNHH Hưng Thịnh trong năm vừa qua chủ yếu là từ hoạt động kinh doanh thép. Ngoài ra còn thu lợi từ lãi hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng.

+ Chi phí của doanh nghiệp chủ yếu là chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí từ tiền vay ngân hàng và vay của các cá nhân khác.

+ Trong năm tài chính doanh nghiệp không phát sinh chi phí bất thường, chi phí khác và doanh thu khác.

2.2.2 Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh.

2.2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ

2.2.2.1.1 Chứng từ sử dụng

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

- Hóa đơn thuế GTGT

- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng...

2.2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng tài khoản sau:

- + TK 511 : doanh thu bán hàng
 - TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
 - TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - TK 5118: Doanh thu khác
- + TK 3331 : thuế GTGT đầu ra phải nộp
- + TK 133 : thuế GTGT được khấu trừ
- + TK 111, 112 : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- + TK 131 : phải thu khách hàng....

2.2.2.1.4. Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 511
- Sổ cái các tài khoản 111,131.....

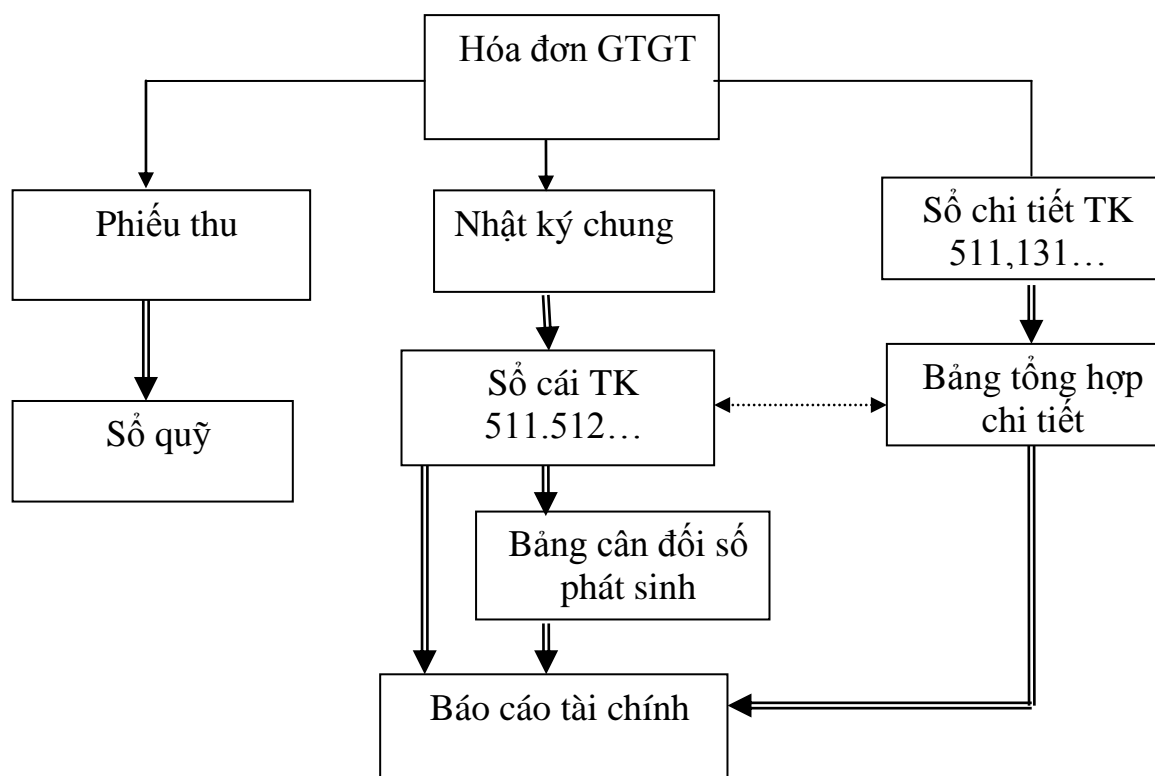
2.2.2.1.4 Trình tự hạch toán:

Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty:

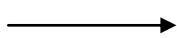
Trước tiên, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, đơn đặt hàng, khi có yêu cầu của khách hàng phòng kinh doanh sẽ viết lệnh xuất kho hoặc lệnh nhập kho và hoá đơn giá trị gia tăng. Phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không.

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán lập Hoá đơn GTGT thành ba liên:

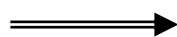
- Liên 1: Lưu (màu tím)
- Liên 2: Giao khách hàng (màu đỏ)
- Liên 3: Nội bộ (màu xanh)

Quy trình luân chuyển chứng từ trong hạch toán doanh thu:

Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Kiểm tra đối chiếu

Trong tháng 12, công ty phát sinh nghiệp vụ như sau:

NV: Ngày 23/12/2011. Công ty xuất kho thép hộp bán cho công ty CP xây dựng 201. Trị giá xuất kho là 13.874.400 đồng. Giá bán chưa VAT 10% là 17.272.050 đồng, đã thu bằng tiền mặt. Kế toán định khoản như sau:

- a. Nợ TK 632: 13.874.400
 Có TK156: 13.874.400
- b. Nợ TK 111: 18.999.255
 Có TK 511: 17.272.050
 Có TK 3331: 1.727.250

Trình tự hạch toán như sau:

Trước tiên, căn cứ vào biên bản ký kết hợp đồng, kế toán tiêu thụ sẽ lập hóa đơn GTGT về bán hàng hóa:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, đơn đặt hàng, khi có yêu cầu của khách hàng phòng kinh doanh viết giấy đề nghị xuất kho và hoá đơn giá trị gia tăng. Phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho thành phẩm cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Kế toán căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng vào nghiệp vụ bán trên sổ bán hàng và đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản phải thu của khách hàng (TK 131) và sổ chi tiết tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511).

Căn cứ vào dòng cộng tổng cuối tháng trên sổ chi tiết tài khoản phải thu của khách hàng và sổ chi tiết tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Mỗi dòng cộng tổng được kế toán phản ánh là 1 dòng trên sổ nhật ký chung định kỳ vào cuối tháng. Từ dòng đó trên nhật ký chung vào sổ cái TK 511, TK 131...

Biểu số2.1: Hóa đơn GTGT bán thép hộp

HOÁ ĐƠN			Mẫu số :		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			1GTKT3/001		
Liên 3:Lưu nội bộ			Ký hiệu: AA/11P		
Ngày 23 tháng 12 năm 2011			Số: 0003351		
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Hưng Thịnh					
Địa chỉ: An Đồng-An Dương-Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:.....MST:					
			0	2	0
			0	1	4
			0	7	7
			3		
Họ tên người mua hàng: Phùng Kim Cúc					
Tên đơn vị: công ty CP xây dựng 201					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:TM					
			0	1	0
			1	1	8
			6	1	6
			7		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Thép hộp	Kg	1.130	15.285	17.272.050
Cộng tiền hàng:					17.272.050
Thuế GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		1.727.205
Tổng cộng tiền thanh toán					18.999.255
Số tiền viết bằng chữ: mười tám triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm năm mươi năm đồng./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.2: Phiếu thu từ bán hàngĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh****Mẫu số:01-TT**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An
Đông- AD- HP***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU THU****Số :38/12***Ngày 23 tháng 12 năm 2011*

Nợ TK 111: 18.999.255

Có TK 511: 17.272.050

Có TK 3331: 1.727.205

Họ và tên người nộp tiền : Công ty CP xây dựng 201

Địa chỉ :Hải Phòng

Lý do nộp :Xuất bán thép hộp cho công ty CP xây dựng 201

Số tiền : **18.999.255** (viết bằng chữ): mười tám triệu
chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm năm mươi năm đồng./.Kèm theo : 01 Chứng từ:HĐ**0003351**Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): mười tám triệu chín trăm chín mươi chín nghìn
hai trăm năm mươi năm đồng ./.*Ngày 23 tháng 12 năm 2011*

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số2.3: Sổ chi tiết bán hàngĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****Mẫu số:S35-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): **Thép hộp**

Năm: 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
			
1/12	HD0003321	1/12	Bán cho cty Hiền Lương	111	1.275	14.235	18.158.500	
1/12	HD0003322	1/12	Bán cho nhà máy cơ khí Tam Bảo	131	1.673	15.285	25.569.182	
3/12	HD0003326	3/12	Bán cho cty TNHH ống thép 190	111	530	15.285	9.995.350	
5/12	HD0003328	5/12	Bán cho cty CP bao bì bia rượu NGK	131	1.000	15.285	19.000.000	
			
23/12	HD0003351	23/12	Bán cho công ty CP xây dựng 201	111	1.130	15.285	17.272.050	
			
27/12	HD0003357	27/12	Bán cho cty CP DL quốc tế Hòn Dấu	131	5.890	15.285	900.000.000	
			
			Cộng số phát sinh		93.026		1.391.500.463	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4: Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông-
AD- HP

Mẫu số:S35-DNN

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Doanh thu		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép hộp	kg	93.026	-	1.391.500.463
2	Thép ống	kg	3.152	-	44.969.162
3	Que hàn	kg	15.967,5		233.247.770
4	Thép gai	kg	26.870,2	-	413.087.446
5	Dây thép	kg	68.525,6	-	1.066.349.261
.....
....
21	Lưới B40	kg	1.801,8	-	39.360.366
22	Lưới lục giác	kg	13.614	-	115.541.939
	Cộng		1.601.487		17.791.500.463

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5 : trích sổ nhật ký chungĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****Mẫu số:S03-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm:2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
			Số phát sinh trong kỳ					
1/12	PC1/12	1/12	Nộp tiền vào TK ngân hàng ACB			112	170.000.000	
						111		170.000.000
1/12	HĐ0003323	1/12	Bán thép XD-Cty CP đầu tư Sao Đỏ			111	19.602.000	
			VAT đầu ra			511		17.820.000
						3331		1.782.000
1/12	PX225	1/12	Giá vốn bán thép XD-Cty CP đầu tư Sao Đỏ			632	16.739.786	
						156		16.739.786
2/12	PT3/12	2/12	Rút tiền từ TK ngân hàng ACB			111	10.000.000	
						112		10.000.000
2/12	GBC02/12	2/12	Công ty TNHH TM P.H.T trả tiền hàng			112	30.000.000	
						131		30.000.000
5/12	HĐ0029980	5/12	Nhập lưới thép-Cty CP giao nhận&vận chuyển Thiên Lộc			156	243.031.875	
						133	24.303.188	
						331		267.335.063
5/12	HĐ0003328	5/12	Bán đinh bán cho cty CP bao bì			131	20.900.000	

			bia rượu NGK			511		19.000.000
			VAT đầu ra			3331		1.900.000
5/12	PX294	5/12	Xuất kho định bán cho cty CP bao bì bia rượu NGK			632	16.010.000	
					156		16.010.000
		
08/12	HĐ0012336	08/12	Nhập thép XD cty CP Bảo Châu			156	51.447.000	
			VAT đầu vào			133	5.144.700	
					331		56.591.700
		
12/12	PT19/12	12/12	Vay ngắn hạn ông Phạm Ngọc Thăng			111	200.000.000	
					311		200.000.000
		
23/12	HĐ0003351	23/12	Bán thép hộp bán cho công ty cổ phần xây dựng 201			111	18.999.255	
			VAT đầu ra			511		17.272.050
						3331		1.727.205
23/12	PX413	23/12	Xuất kho thép hộp bán cho công ty CP xây dựng 201			632	13.874.400	
						156		13.874.400
27/12	HĐ0003358	27/12	Bán lẻ dây thép			111	17.999.993	
			VAT đầu ra			511		16.363.630
					3331		1.636.363
							
			Cộng phát sinh				170.404.737.323	170.404.737.323
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6: trích sổ cái TK 511

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP

Mẫu số:S03b-DNN

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: doanh thu bán hàng

Số hiệu:511

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			-Số dư đầu năm					
1/12	HĐ0003324	1/12	Bán thép gai cho cty CP Thực phẩm XK Huy Quang			131		9.545.500
1/12	HĐ0003325	1/12	Bán lưới thép cty CP đóng tàu Thái Bình Dương			131		55.143.126
.....
5/12	HĐ0003328	5/12	Bán đinh bán cho cty CP bao bì bia rượu NGK			131		19.000.000
9/12	HĐ0060291	9/12	Bán thép gai, lưới thép - DNTN Sinh Lược			111		9.978.034
17/12	HĐ0003335	17/12	Bán thép XD bán cho cty Đầu tư Sao Đỏ			131		14.500.000
.....
23/12	HĐ0003351	23/12	Bán thép hộp bán cho công ty cổ phần xây dựng 201			111		17.272.050
		
27/12	HĐ0003356	27/12	Bán dây thép cho Cty TNHH TM Mê Linh			131		16.363.630

27/12	HĐ0003357	27/12	Bán thép XD cty CP DL Quốc tế Hòn Dấu			131		900.000.000
28/12	HĐ0003356	28/12	Bán Dây , đinh - Cty TNHH TM Mê Linh					16.500.000
28/12	HĐ0003360	28/12	Bán đinh - Cty TNHH HANVICO					68.645.000
.....
31/12	PKT33/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng Quý IV			911	17.791.500.463	
			-Cộng số phát sinh				17.791.500.463	17.791.500.463

-Số này có.... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

-Ngày mở sổ.....

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2.2 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1.1 Tài khoản sử dụng

TK 632 – Giá vốn hàng bán

2.2.2.1.2 Chứng từ sử dụng:

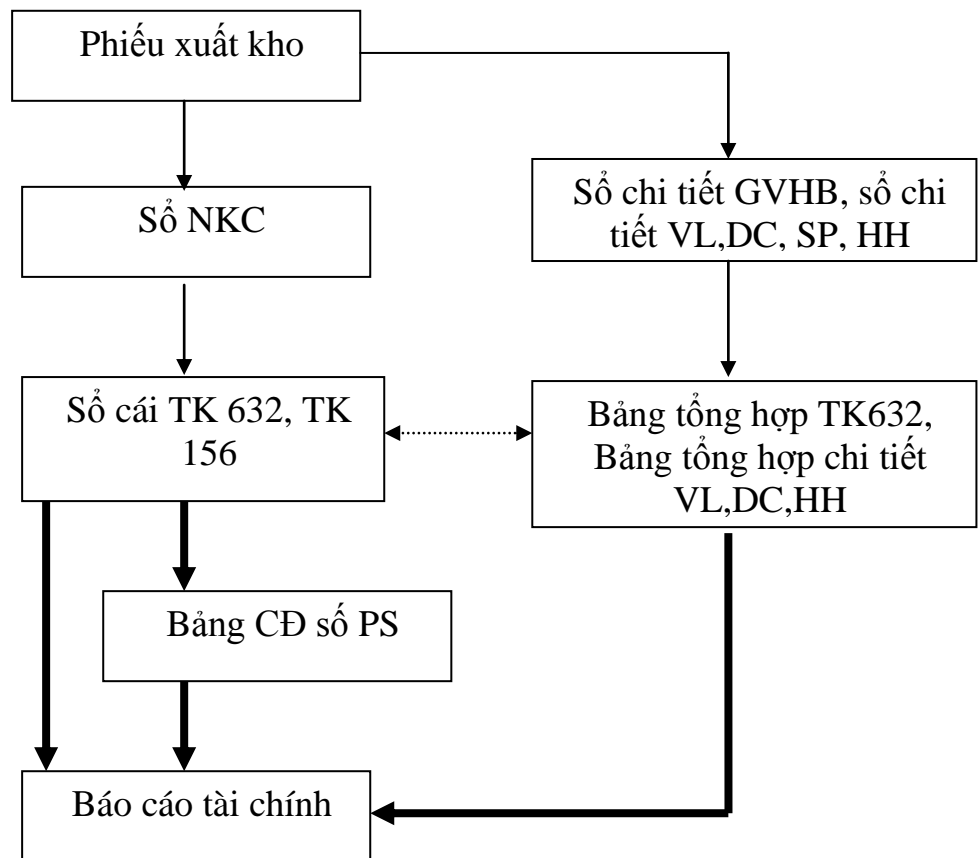
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.1.3 Trình tự hạch toán:

Giá vốn được hạch toán theo phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp thực tế đích danh : giá nhập hàng hóa được theo dõi, khi xuất hàng căn cứ vào giá nhập thực tế của chính hàng đó (giá của lô đó) làm giá vốn.

Quy trình hạch toán giá vốn



Ghi chú:

- Ghi theo ngày: \longrightarrow
- Ghi theo tháng: \longrightarrow
- Đối ứng, kiểm tra: \longleftrightarrow

- Thủ kho lập phiếu xuất kho và gửi lên phòng kế toán. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên: 1 liên lưu tại sổ, 1 liên gắn với hóa đơn GTGT để làm chứng từ, liên còn lại giao cho người nhận hàng.

- Căn cứ vào bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT kế toán vào nhật ký chung và các sổ cái liên quan.

Trong tháng 12, công ty phát sinh nghiệp vụ như sau:

Ngày 23/12/2011. Công ty xuất kho thép hộp bán cho công ty CP xây dựng 201. Trị giá xuất kho là 13.874.400 đồng. Giá bán chưa VAT 10% là 17.272.050 đồng, đã thu bằng tiền mặt. Kế toán định khoản như sau:

c. Nợ TK 632: 13.874.400

Có TK156: 13.874.400

d. Nợ TK 111: 18.999.255

Có TK 511: 17.272.050

Có TK 3331: 1.727.250

Cùng với việc ghi nhận doanh thu, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính bằng phương pháp thực tế đích danh.

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh
 Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An
 Đồng- AD- HP

Mẫu số:02-VT
 (Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 23 tháng 12 năm 2011 Nợ TK 632: 13.874.400

Số:413

Có TK 156: 13.874.400

- Họ và tên người nhận hàng: Đào Thị Ánh địa chỉ (bộ phận):kho
- Lý do xuất kho: xuất bán
- Xuất tại kho (ngăn lô): địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép hộp		kg	1.130	1.130	12.280	13.874.400
	Cộng						13.874.400

- Tổng cộng số tiền (bằng chữ): mười ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm đồng./.
- Số chứng từ gốc kèm theo:01 Chứng từ

Ngày 23 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu (ký, họ tên) Người giao hàng (ký, họ tên) Thủ kho (ký, họ tên) Kế toán trưởng (ký, họ tên) Giám đốc (ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.8: trích sổ nhật ký chung

Đơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**

Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP**

Mẫu số:S03-DNN

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm:2011

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ					
		
08/12	HĐ0000791	08/12	Nhập thép XD cty CP Bảo Châu			156	51.447.000	
						133	5.144.700	
						331		56.591.700
23/12	HĐ0003351	23/12	Bán thép hộp bán cho công ty cổ phần xây dựng 201			111	18.999.255	
						511		17.272.050
						3331		1.727.205
23/12	PX413	23/12	Xuất kho thép hộp bán cho công ty cổ phần xây dựng 201			632	13.874.400	
						156		13.874.400
		
27/12	HĐ0060291	27/12	Mua 2 bàn làm việc ở nội thất Phúc			153	1.563.636	
			Tặng					
			VAT đầu vào			133	156.364	
						111		1.720.000
		
			Cộng phát sinh				170.404.737.323	170.404.737.323
			Cộng chuyển trang sau					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số2.9: Trích sổ cái TK632

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP

Mẫu số:S03b-DNN

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: giá vốn hàng bán

Số hiệu:632

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			-Số dư đầu kỳ					
			-Số phát sinh trong kỳ					
1/12	PX225	1/12	Xuất thép XD bán cho Cty CP đầu tư Sao Đỏ			156	16.739.786	
5/12	PX294	5/12	Xuất đinh bán cho cty CP bao bì bia rượu NGK			156	16.010.000	
		
10/12	PX305	10/12	Xuất bán lưới thép - Cty CPĐT xây lắp điện Hải Phòng			156	15.735.000	
		
23/12	PX413	23/12	Xuất thép hộp bán cho công ty cổ phần xây dựng 201			156	13.874.400	
		
27/12	PX423	27/12	Xuất bán dây thép cho Cty TNHH TM Mê Linh			156	12.735.900	

		
28/12	PX426	28/12	Xuất bán định cho Cty TNHH HANVICO			156	52.647.830	
31/12	PKT32/12	31/12	Kết chuyển giá vốn Quý IV			911		17.109.686.171
			-Cộng số phát sinh				17.109.686.171	17.109.686.171
			-Số dư cuối kỳ					

-Số này có.... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

-Ngày mở sổ.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2.3 Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.2.3.1 Tài khoản sử dụng

TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh có 2 TK cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

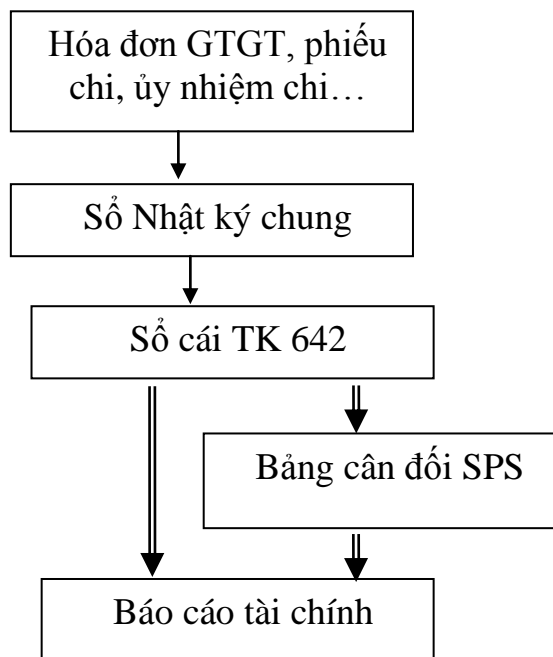
- Hóa đơn GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào (xăng dầu, cước vận chuyển hàng, lệ phí cầu đường...)
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Lệnh chi...
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

2.2.2.3.3 Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642
- Sổ theo dõi chi tiết.....

Trình tự hạch toán:

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (*liên 2*), Phiếu phi, ủy nhiệm chi,... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung .

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 642 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Trong tháng 12, công ty phát sinh nghiệp vụ như sau:

1. Ngày 30/12/2011, kế toán hạch toán lương phải trả cho người lao động tại bộ phận bán hàng.

Dựa vào bảng chấm công kế toán tiến hành lập bảng thanh toán lương.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642: 59.097.473

Có TK 334: 59.097.473

Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 12, kế toán ghi sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 642

2. Ngày 18 tháng 12 năm 2011, công ty thanh toán tiền cước điện thoại tại phòng giám đốc bằng tiền mặt. Số tiền 2.334.188

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 6422: 2.334.188

Nợ TK 133: 212.199

Có TK 111: 2.121.989

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông số **0008799** và phiếu chi số **50/12**, kế toán ghi sổ nhật ký chung. Sau đó, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 642.

Biểu số 2.10 Bảng thanh toán lương tháng 12

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2011

Đơn vị tính: VNĐ

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Số ngày công	Lương/1 công	Các khoản được lĩnh				Tổng lương	Các khoản giảm trừ		Thực lĩnh	Ký nhận
						Lương thời gian	Trợ cấp ăn trưa	Phụ cấp chung ,TN	BHXH,Y T,TN(DN phải trả 16%)		Tiền đóng BH(6%)	Tiền tạm ứng		
1	Đỗ Khắc Miền	GD	4.000.000	26	153.846	4.000.000	300	400	640.000	4.640.700			4.640.700	
2	Trịnh Thị Hải	KTT	3.000.000	26	115.385	3.000.000	300	350	480.000	3.480.650			3.480.650	
3	Hoàng Thu Vân	KT	2.500.000	25	96.154	2.403.846	288	300	400.000	2.804.435			2.804.435	
4	Trần Thu Trang	KT	2.500.000	26	96.154	2.500.000	300	300	400.000	2.900.600			2.900.600	
5	Đoàn Thanh Hằng	TQ	2.500.000	26	96.154	2.500.000	300	300	400.000	2.900.600			2.900.600	
6	Nguyễn Hải Nam	Kỹ thuật	3.000.000	26	115.385	3.000.000	300	350	480.000	3.480.650			3.480.650	
7	Nguyễn Hồng Hạnh	ThT	3.000.000	26	115.385	3.000.000	300	350	480.000	3.480.650			3.480.650	
	cộng		20.500.000	-	788.462	20.403.846	2.088	2.350	3.280.000	23.688.285	-	-	23.688.285	
8	Nguyễn Đăng Hoàng	Lái Xe	2.000.000	26	76.923	2.000.000	300	200	320.000	2.320.500			2.320.500	
9	Trần Thu Đào	NV	2.500.000	26	96.154	2.500.000	300	250	400.000	2.900.550			2.900.550	
10	Hà Tú Anh	NV	2.500.000	26	96.154	2.500.000	300	200	400.000	2.900.500			2.900.500	
11	Nguyễn Văn Toản	BV	2.000.000	26	76.923	2.000.000	300	200	320.000	2.320.500			2.320.500	

12	Nguyễn Thị Mai	NV	2.000.000	25	76.923	1.923.077	288	200	320.000	2.243.565			2.243.565	
13	Trần Anh Dũng	NV	2.500.000	26	96.154	2.500.000	300	250	400.000	2.900.550			2.900.550	
14	Đặng Xuân Trường	NV	2.500.000	26	96.154	2.500.000	300	250	400.000	2.900.550			2.900.550	
15	Nguyễn Xuân Toàn	NV	2.500.000	26	96.154	2.500.000	300	250	400.000	2.900.550			2.900.550	
16	Nguyễn Hoàng An	NV	2.500.000	26	96.154	2.500.000	300	250	400.000	2.900.550			2.900.550	
17	Phạm Mạnh Công	NV	2.500.000	26	96.154	2.500.000	300	250	400.000	2.900.550			2.900.550	
18	Hoàng Bá Thức	NV	2.500.000	25	96.154	2.403.846	288	250	400.000	2.804.385			2.804.385	
19	Nguyễn Ngọc Hoàn	NV	2.500.000	25	96.154	2.403.846	288	250	400.000	2.804.385			2.804.385	
20	Hà Hữu Trung	NV	2.500.000	23	96.154	2.211.538	265	250	400.000	2.612.054			2.612.054	
	cộng		31.000.000		1.192.308	30.442.308	3.831	3.050	4.960.000	35.409.188	-	-	35.409.188	
	Toàn công ty												59.097.473	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.11 Hóa đơn dịch vụ viễn thông



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) Mẫu số: 01GTKT-2LN-03
 TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Ký hiệu: AC/2011T
 Liên 2: Giao khách hàng Số: **0008799**

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng- VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH Hưng Thịnh

Mã số:

Địa chỉ (address): An Dương, Hải Phòng.....

Số điện thoại (tel): 0313.753.201.....Mã số (code).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2011	2.121.989
a, Cước dịch vụ viễn thông	0
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1)	2.121.989
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT (2)	212.199
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán	2.334.188

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn một trăm tám mươi tám đồng./.

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

Biểu số 2.12: Phiếu chi

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Mẫu số:02-TT

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An
Đồng- AD- HP(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU CHI**

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Số: 50/12

Nợ TK 642: 2.121.989

Nợ TK133: 212.199

Có TK111: 2.334.188

Họ và tên người nhận tiền : Hà Hữu Trung

Địa chỉ : Nhân viên công ty

Lý do chi : Trả tiền cước điện thoại - TT dịch vụ khách hàng
VTHPSố tiền : **2.334.188** (viết bằng chữ) : hai triệu ba trăm ba mươi
bốn ngàn một trăm tám tám đồng chẵn./.Kèm theo : 01 Chứng từ: HĐ **0008799**Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): hai triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn một trăm
tám tám đồng chẵn./.

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.13: Trích sổ nhật ký chungĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****Mẫu số:S03-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm:2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ					
			
2/12	PT02/12	2/12	Rút tiền từ TK ngân hàng ACB			111 112	10.000.000	10.000.000
08/12	HD0048826	08/12	Nhập thép XD cty CP Bảo Châu			156	51.447.000	
			VAT đầu vào			133	5.144.700	
						331		56.591.700
09/12	HD0171205	09/12	Chi phí tiếp khách			642	2.557.173	
			VAT đầu vào			133	255.717	
	PC4/12					111		2.812.890
		
17/12	HD0029980	17/12	Tiền catalog hàng bán			642	1.450.000	
			VAT đầu vào			133	145.000	
	PC 9/12					111		1.595.000
		
17/12	UNC132	17/12	Trả tiền cho cty SX&TM			331	423.720.000	
			Tiến Huy			112		423.720.000
		

18/12	UNC133	18/12	Trả tiền làm biển quảng cáo		131	7.826.000	
				112		7.826.000
		
18/12	UNC134	18/12	Trả tiền cho cty TNHH TM Vân Bình		331	82.425.112	
					112		82.425.112
18/12	HĐ0008799	18/12	Trả tiền cước điện thoại - TT dịch vụ khách hàng VTHP		642	2.121.989	
					133	212.199	
					111		2.334.188
		
27/12	HĐ0060291	27/12	Mua 2 bàn làm việc-nội thất Phúc Tăng		153	1.563.636	
			VAT đầu vào		133	156.364	
	PC 25/12				111		1.720.000
		
30/12	BL12	30/12	Lương phải trả cho nhân viên tháng 12		642	59.097.473	
					334		59.097.473
31/12	PC 27/12	31/12	Thanh toán lương cho nhân viên tháng 12		334	59.097.473	
					111		59.097.473
		
			Tổng cộng phát sinh			170.404.737.323	170.404.737.323

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.14: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP

Mẫu số:S03b-DNN

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu:642

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			-Số phát sinh					
1/12	HĐ0044100	1/12	Mua văn phòng phẩm - CH Đào Thị Chiến			131	2.019.000	
1/12	HĐ0012163	1/12	Sửa xe ô tô- DNTN Trọng Thiện			131	1.050.000	
2/12	HĐ0010831	2/12	Mua xăng Mogas 92- Cty CP ô tô khách HP			111	10.980.000	
3/12	HĐ0069334	3/12	Trả tiền cước điện thoại-Bưu điện Hải Phòng			111	2.175.200	
.....
09/12	HĐ0233770	09/12	Chi phí tiếp khách- nhà hàng Hoa Mai			111	2.557.173	
							
16/12	HĐ0151404	16/12	Phí thuê bao truyền hình cáp			111	59.091	
.....
18/12	HĐ0008799	18/12	Trả tiền cước điện thoại - TT dịch vụ khách hàng VTHP			111	2.121.989	
19/12	HĐ0035781	19/12	Fim fax-cty máy tính Hoàng Cường			111	90.909	

21/12	HĐ 0079259	21/12	Sửa chữa máy tính- Cty TNHH MT Sơn Đạt			111	180.000	
22/12	HĐ 0107906	22/12	Mua tài liệu bồi dưỡng-Cty CP phát hành sách			111	150.000	
		
30/12	BL12	30/12	Lương phải trả cho người lao động tháng 12			334	59.097.473	
....	
31/12	PKT34/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh Quý IV			911		430.690.199
	
			-Số dư cuối kỳ				430.690.199	430.690.199

-Số này có.... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

-Ngày mở sổ.....

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

2.2.2.4 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

a) Chứng từ sử dụng

-Giấy báo Nợ

b) Tài khoản sử dụng

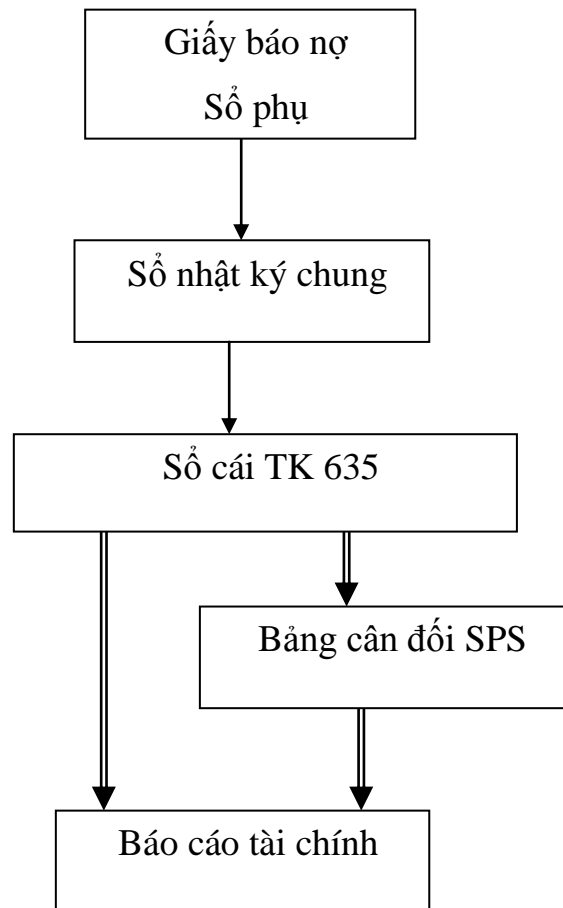
TK 635 – Chi phí tài chính

c) Sổ sách sử dụng:

– Sổ Nhật ký chung

– Sổ Cái TK 635

d) Trình tự hạch toán:

Quy trình hạch toán chứng từ trong hạch toán cho phí tài chính**Ghi chú :**

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Tùy vào hình thức thanh toán các khoản lãi vay bằng tiền mặt hay qua tiền gửi ngân hàng mà kế toán tiền hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635 theo các chứng từ “Phiếu chi tiền mặt” hay “Giấy báo nợ” kèm theo.

Cuối kỳ kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

Trong tháng 12, công ty phát sinh nghiệp vụ như sau:

Ngày 13/ 12/2011, phát sinh nghiệp vụ Trả tiền lãi vay ngân hàng ACB TK 67585419 số tiền 3.467.867 VNĐ. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 3.467.867

Có TK 112: 3.467.867.

Căn cứ vào chứng từ và định khoản kế toán vào sổ như sau:

Biểu số2.15: Giấy báo nợ**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU****ASIA COMMERCIAL BANK****SỔ PHỤ VND****Số : 20**

Ngày : 13/12/2011

Tài khoản : 3409899

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HƯNG THỊNH**DIỄN GIẢI****GHI NỢ****GHI CÓ**

Số dư đầu ngày

78.593.088

THU LÃI TIỀN VAY**3.467.867**

Tổng phát sinh ngày

3.467.867

0

Số dư cuối ngày

75.125.221

SỔ PHỤ**KIỂM SOÁT****NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU**

Mã GDV : BATCH

ASIA COMMERCIAL BANK

Mã KH : 10367

GIẤY BÁO NỢ**Số GD : 20**

Ngày 13/12/2011

Kính gửi : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HƯNG THỊNH

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ

: 3409899

Số tiền bằng số

: **3.467.867**

Số tiền bằng chữ

: Ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm

sáu mươi bảy đồng.



Nội dung : THU LÃI TIỀN VAY

GIAO DỊCH VIÊN**KIỂM SOÁT***(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)*

Biểu số 2.16: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP

Mẫu số:S03-DNN

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm:2011

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ					
			
2/12	PT02/12	2/12	Rút tiền từ TK ngân hàng ACB			111	10.000.000	
						112		10.000.000
08/12	HĐ0048826	08/12	Nhập thép XD cty CP Bảo Châu			156	51.447.000	
			VAT đầu vào			133	5.144.700	
						331		56.591.700
09/12	HĐ0171205	09/12	Chi phí tiếp khách			642	2.557.173	
			VAT đầu vào			133	255.717	
	PC4/12					111		2.812.890
		
13/12	GBN20	13/12	Trả tiền lãi vay ngân hàng ACB			635	3.467.867	
						112		3.467.867
.....
17/12	HĐ0029980	17/12	Tiền catalog hàng bán			642	1.450.000	
			VAT đầu vào			133	145.000	
	PC 9/12					111		1.595.000
		

17/12	UNC132	17/12	Trả tiền cho cty SX&TM Tiến Huy			331	423.720.000	
					112		423.720.000
			Cộng phát sinh				170.404.737.323	170.404.737.323

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.17: Trích sổ cái chi phí hoạt động tài chính**Mẫu số: S03-DNN***(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*Đơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****TRÍCH SỔ CÁI**

Tài khoản : chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu TK 635

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			-Số phát sinh					
		
13/ 12	GBN 20	13/ 12	Trả lãi tiền vay ngân hàng ACB TK 67585419			111	3.467.867	
							
28/12	GBN 32	28/12	Phí chuyển tiền qua ngân hàng Á Châu ACB			111	29.405	
....	
30/12	GBN 34	30/12	Phí chuyển tiền qua ngân hàng Công Thương(Vietinbank)			111	1.454.000	
31/12	PKT35/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			911		238.706.270
			-Cộng số phát sinh				238.706.270	238.706.270
			-Số dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.2.5. Kế toán doanh thu tài chính

a) Chứng từ sử dụng

-Giấy báoCó (giấy báo lãi)

b) Tài khoản sử dụng:

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Chủ yếu là thu lãi từ tiền gửi tại ngân hàng

c)Sổ sách sử dụng:

– Sổ Nhật ký chung

– Sổ Cái TK 515

d) Trình tự hạch toán:

Dựa vào các Giấy báo Có (hoặc Giấy báo lãi) của các ngân hàng, kế toán tiến hành hạch toán vào các sổ liên quan

Cuối tháng kế toán vào Bút toán khoá sổ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

Trong tháng 12, công ty phát sinh nghiệp vụ như sau:

Ngày 26/12/2011, công ty thu lãi từ tiền gửi ngân hàng ACB. Số tiền 348.370. kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 348.370

Có TK 515: 348.370

Từ giấy báo có của ngân hàng ACB, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung.

Sau đó, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi chép lại nghiệp vụ trên vào sổ cái TK515.

Biểu số2.18: Giấy báo có**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU****ASIA COMMERCIAL BANK****SỔ PHỤ VND****Số : 46**

Ngày : 26/12/2011

Tài khoản : 3409899

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HƯNG THỊNH**DIỄN GIẢI****GHI NỢ****GHI CÓ**

	Số dư đầu ngày		75.125.221
LÃI NHẬP TIỀN GỬI			348.370
	Tổng phát sinh ngày	0	348.370
	Số dư cuối ngày		75.473.591

SỔ PHỤ**KIỂM SOÁT****NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU**

Mã GDV : BATCH

ASIA COMMERCIAL BANK

Mã KH : 10367

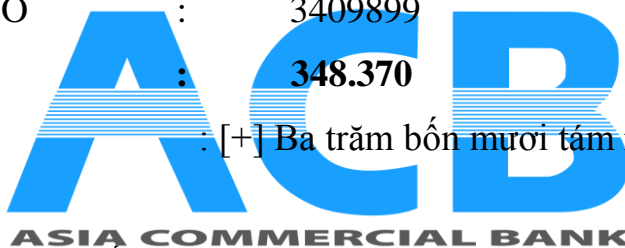
GIẤY BÁO CÓ**Số GD : 46**

Ngày 26/12/2011

Kính gửi : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HƯNG THỊNH

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ	:	3409899
Số tiền bằng số	:	348.370
Số tiền bằng chữ	:	[+] Ba trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi đồng.

Nội dung : **LÃI NHẬP GỐC****GIAO DỊCH VIÊN****KIỂM SOÁT***(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)*

Biểu số 2.19: Trích sổ nhật ký chungĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm:2011

Mẫu số:S03-DNN*(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....
2/12	PT02/12	2/12	Rút tiền từ TK ngân hàng ACB			111	10.000.000	
						112		10.000.000
08/12	HĐ0048826	08/12	Nhập thép XD cty CP Bảo Châu			156	51.447.000	
			VAT đầu vào			133	5.144.700	
						331		56.591.700
09/12	HĐ0171205	09/12	Chi phí tiếp khách			642	2.557.173	
			VAT đầu vào			133	255.717	
	PC4/12					111		2.812.890
.....
17/12	HĐ0029980	17/12	Tiền catalog hàng bán			642	1.450.000	
			VAT đầu vào			133	145.000	
	PC 9/12					111		1.595.000
.....
26/12	GBC46	26/12	Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng ACB			112	348.370	
						515		348.370
.....
			Cộng phát sinh				170.404.737.323	170.404.737.323

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Trích sổ cái chi phí hoạt động tài chính**Mẫu số: S03-DNN***(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*Đơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****TRÍCH SỔ CÁI**Tài khoản : **doanh thu hoạt động tài chính**Số hiệu TK **515**Năm **2011**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			-Số phát sinh trong kỳ					
		
13/ 12	GBC25	13/ 12	Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng ACB			112		4.467.867
....	
26/12	GBC46	26/12	Thu lãi từ tiền gửi tài khoản ngân hàng ACB			112		348.370
		
31/12	PKT36/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911		9.483.299
			-Cộng số phát sinh				9.483.299	9.483.299
			-Số dư cuối kỳ				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

2.2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.2.4.1 Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 511, TK 515
- Sổ cái TK 632, TK 635, TK 642
- Sổ cái TK 711, TK 811

2.2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.2.4.3 Trình tự hạch toán

Đến cuối kỳ kế toán, kế toán tiến hành kết chuyển các khoản doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Cụ thể: Kết chuyển doanh thu bao gồm: doanh thu thuần của hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ, doanh thu hoạt động tài chính, phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 511

Nợ TK 515

Có TK 911

Kết chuyển trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911

Có TK 632

Có TK 642

Có TK 635

Kết chuyển Lãi của hoạt động kinh doanh trong kỳ:

Nợ TK 911

Có TK 4212

Kết chuyển Lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ:

Nợ TK 4212

Có TK 911

Cụ thể:

Xác định kết quả kinh doanh từ bán hàng:

Kết chuyển doanh thu thuần bán hàng:

Nợ TK 511: 17.791.500.463

Có TK 911: 17.791.500.463

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK 515: 9.483.299

Có TK 911: 9.483.299

Kết chuyển chi phí:

Nợ TK 911: 17.779.082.640

Có TK 632: 17.109.686.171

Có TK 635: 238.706.270

Có TK 642: 430.690.199

Kết quả kinh doanh = 17.791.500.463 + 9.483.299 - 17.779.082.640
= 21.901.122

Điều này cho thấy năm 2011, doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Do đó, kế toán thực hiện bút toán xác định thuế TNDN:

Nợ TK 821: 5.475.281 (= 21.901.122 * 25%)

Có TK 3334: 5.475.281

Kết chuyển thuế TNDN:

Nợ TK 911: 5.475.281

Có TK 821: 5.475.281

Kết chuyển lãi:

Nợ TK 911: 16.425.841

Có TK 421: 16.425.841

Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào nhật ký chung rồi vào sổ cái các TK

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :32/12

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển giá vốn hàng bán Quý IV	911	17.109.686.171	
	632		17.109.686.171
Cộng		17.109.686.171	17.109.686.171

Bằng chữ: mười bảy tỷ một trăm không chín triệu sáu trăm tám sáu nghìn một trăm bảy một đồng./.

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011***Người lập phiếu**

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.22: Phiếu kế toánĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :33/12

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng Quý IV	911	17.791.500.463	
	511		17.791.500.463
Cộng		17.791.500.463	17.791.500.463

Bằng chữ: Mười bảy tỷ bảy trăm chín một triệu năm trăm nghìn bốn trăm sáu ba đồng./.

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011***Người lập phiếu**

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số2.23: Phiếu kế toánĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :34/12

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh Quý IV	911	430.690.199	
	642		430.690.199
Cộng		430.690.199	430.690.199

Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tiêu sáu trăm chín mươi nghìn một trăm chín chín đồng./.

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011***Người lập phiếu**

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :35/12

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính Quý IV	911	238.706.270	
	635		238.706.270
Cộng		238.706.270	238.706.270

Bằng chữ: Hai trăm ba tám triệu bảy trăm không sáu nghìn hai trăm bảy mươi đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :36/12

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính Quý IV	911	9.483.299	
	515		9.483.299
Cộng		9.483.299	9.483.299

Bằng chữ: Chín triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn hai trăm chín mươi chín đồng./.*Ngày 31 tháng 12 năm 2011***Người lập phiếu**

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toánĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :37/12

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Xác định thuế TNDN Quý IV	821	5.475.281	
	3334		5.475.281
Cộng		5.475.281	5.475.281

Bằng chữ: Năm triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn hai trăm tám một đồng./.*Ngày 31 tháng 12 năm 2011***Người lập phiếu**

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toánĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :38/12

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển thuế TNDN Quý IV	911	5.475.281	
	821		5.475.281
Cộng		5.475.281	5.475.281

Bằng chữ: Năm triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn hai trăm tám một đồng./.*Ngày 31 tháng 12 năm 2011***Người lập phiếu**

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toánĐơn vị : **Công ty TNHH Hưng Thịnh**Địa chỉ: **Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :39/12

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển lãi Quý IV	911	16.425.841	
	421		16.425.841
Cộng		16.425.841	16.425.841

Bằng chữ: Mười sáu triệu bốn trăm hai năm nghìn tám trăm bốn mươi một đồng./.*Ngày 31 tháng 12 năm 2011***Người lập phiếu**

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.29: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị : Công ty TNHH Hưng Thịnh

Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP

Mẫu số:S03b-DNN

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu:911

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
	
31/12	PKT 32/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	17.109.686.171	
31/12	PKT 33/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hàng bán			511		17.791.500.463
31/12	PKT 34/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			642	430.690.199	
31/12	PKT 35/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			635	238.706.270	
31/12	PKT 36/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		9.483.299
31/12	PKT 38/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN			821	5.475.281	
31/12	PKT 39/12	31/12	Kết chuyển lãi			421	16.425.841	
			Cộng phát sinh				17.800.983.762	17.800.983.762

-Số này có.... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

-Ngày mở sổ.....

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Trích sổ cái lợi nhuận chưa phân phối
 Đơn vị: Công ty TNHH Hưng Thịnh
 Địa chỉ: Đường Máng-thôn Vân Tra- An Đông- AD- HP

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			-Số dư đầu kỳ					70.489.248
			-Số phát sinh					
		
31/12	PKT40/12	31/12	Kết chuyển lãi			911		16.425.841
			-Cộng số phát sinh					16.425.841
			-Số dư cuối kỳ					86.915.089

-Số này có.... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

-Ngày mở sổ.....

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Hưng Thịnh)

Biểu số 2.31: Báo cáo kết quả kinh doanh

CÔNG TY TNHH HÙNG THỊNH
Địa chỉ: Đường Máng-An Đồng-An Dương-Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH*Quý IV Năm 2011**Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	MK	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1		2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	01	VI.25	17.791.500.463	17.069.263.459
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3332	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10		17.791.500.463	17.069.263.459
4. Giá vốn hàng bán	632	11	VI.27	17.109.686.171	16.957.452.080
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20		681.814.292	111.811.379
6. Doanh thu hoạt động tài chính	515	21	VI.26	9.483.299	10.419.984
7. Chi phí tài chính	635	22	VI.28	238.706.270	6.462.659
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23		238.706.270	6.462.659
8. Chi phí quản lý kinh doanh	642	24		430.690.199	94.478.557

9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		30		21.901.122	21.290.147
10. Thu nhập khác	711	31		-	
11. Chi phí khác	811	32		-	
12. Lợi nhuận khác		40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50		21.901.122	21.290.147
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211	51	VI.30	5.475.281	5.322.537
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8212	52	VI.30	-	
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		60		16.425.841	15.967.610
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70			

Hải Phòng, ngày 31/12/2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.3. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH Hưng Thịnh

2.3.1 Đánh giá chung

Trong 15 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty TNHH Hưng Thịnh đã trải qua không ít thăng trầm. Đến nay tuy đã phát triển nhưng hiệu quả kinh doanh của công ty vẫn ở mức thấp. Để cải thiện tình hình, trong những năm gần đây, công ty TNHH Hưng Thịnh đã không ngừng củng cố và hoàn thiện công tác quản lý, đặc biệt là hoàn thiện công tác kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty hiện nay được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công ty và phù hợp với chuyên môn của mỗi người. nhân viên kế toán, công ty đã tổ chức cho họ theo học các lớp đại học tại chức về tài chính - kế toán. Hiện nay phòng kế toán trên công ty chỉ bao gồm 4 người, đây là một việc hợp lý hoá, tinh giản biên chế của công ty. Với số lượng ít như vậy thì mỗi nhân viên kế toán trên công ty phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau, đó là một sự cố gắng lớn của các cán bộ kế toán trong công ty.

Công ty áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán vừa tập trung vừa phân tán là phù hợp với quy mô và địa bàn hoạt động của công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Hưng Thịnh, đi sâu tìm hiểu về phần hành kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận, tôi xin đưa ra một số nhận xét sau:

* Về hạch toán ban đầu: Nhìn chung các chứng từ kế toán công ty sử dụng đều theo đúng chế độ chứng từ mà Nhà nước qui định.

* Về hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết: Việc sử dụng các tài khoản phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhìn chung đã thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước. Ngoài các tài khoản tổng hợp, kế toán công ty đã mở các tài khoản chi tiết để tiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế diễn ra ở công ty. Tuy nhiên việc vận dụng hệ thống sổ sách ở công ty vẫn chưa hợp lý, việc lập sổ sách vẫn còn nhiều chỗ chưa đúng với chế độ kế toán hiện hành.

2.3.2 Ưu điểm

+ Công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh đã đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép, phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và dựa vào tình hình thực tế của công ty.

+ Kết quả kinh doanh của công ty được xác định phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Qui trình tập hợp số liệu tính toán khoa học, nhanh gọn, tiết kiệm được thời gian.

+ Tuy phòng kế toán của công ty chỉ có ít người nhưng vẫn theo dõi xác định kết quả kinh doanh kịp thời và chính xác, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý. Đó chính là những thành tích mà kế toán công ty đã đạt được và cần phải phát huy.

2.3.2 Hạn chế:

1. Việc hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp còn nhiều chỗ chưa hợp lý cần được hoàn thiện. Công ty chưa phân biệt rạch ròi giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, việc hạch toán các khoản chi phí này diễn ra lẫn lộn gây ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí kinh doanh.

2. Kế toán tại công ty chưa lập bảng kê hàng bán lẻ trong ngày. Việc này gây khó khăn cho việc hạch toán doanh thu bán hàng trong ngày, gây phức tạp trong việc nhập dữ liệu vào excel hàng ngày.

3. Kế toán của công ty TNHH Hưng Thịnh chưa phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng tiêu thụ để tính chính xác hiệu quả tiêu thụ của từng mặt hàng. Cho nên công ty không thể đánh giá được mặt hàng nào là mặt hàng chủ lực của công ty để có biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ hay mặt hàng nào kinh doanh là không có hiệu quả để đưa ra quyết định nên hay không nên tiếp tục kinh doanh.

4. Kế toán công ty chưa thấy được sự cần thiết của việc lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, do vậy công ty vẫn chưa tiến hành lập các khoản dự phòng.

5. Công ty chưa thực hiện một số ưu đãi cho khách hàng như chiết khấu thương mại. Từ đó giảm khả năng cạnh tranh với cái doanh nghiệp cùng kinh doanh những mặt hàng với công ty trong khu vực.

6. Công ty còn chưa áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào công việc kế toán. Cụ thể là công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán để giảm thiểu công việc cho kế toán viên và đồng thời giúp cho việc hạch toán chính xác, nhanh chóng, đáp ứng được yêu cầu của nhà phân tích tài chính.

7. Ngoài ra công ty còn một số hạn chế khác trong vấn đề hạch toán và ghi sổ...

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH.

3.1. Định hướng phát triển của công ty trong tương lai.

a) Chiến lược Marketing

Để đưa ra được chiến lược Marketing phù hợp, Công ty phải đưa ra hàng loạt các chính sách sau:

1. Củng cố và phát triển thị trường một cách sâu rộng và ổn định, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm.
2. Phân loại khách hàng, đưa ra chiến lược bán hàng cụ thể, thực hiện chiến lược giá linh hoạt, hợp lý và phù hợp với giá trên thị trường.
3. Tiếp tục đẩy mạnh các hình thức quảng cáo, giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng; giữ vững chế độ hỗ trợ khách hàng sau bán hàng; tham gia các hoạt động triển lãm, hội chợ...
4. Đảm bảo nghiêm ngặt về số lượng và chất lượng sản phẩm khi giao hàng. Duy trì và thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

b) Chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh:

1. Tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào ổn định với giá hợp lý và đảm bảo chất lượng.
2. Mở rộng địa bàn kinh doanh ra các quận, huyện khác trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận thành phố Hải Phòng.
3. Kinh doanh thêm nhiều mặt hàng thép cùng chủng loại và chất lượng nhằm đa dạng hóa về mẫu mã, chủng loại.

c) Chiến lược về tài chính:

1. Duy trì một cơ cấu tài chính lành mạnh và phù hợp là yếu tố quan trọng để giảm rủi ro tài chính cho Công ty cũng như đảm bảo được đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Bên cạnh đó, vốn luôn là yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp. Công ty đang dần tiếp cận và tìm cách thức huy động vốn hiệu quả, tiết kiệm như huy động từ các cán bộ công nhân viên, vay ngân hàng hoặc huy động qua thị trường chứng khoán. Tùy vào tình hình tài chính của Công ty và phân tích tình hình thị trường mà Công ty sẽ lựa chọn phương án huy động vốn hiệu quả nhất.

d) Chiến lược về nhân lực:

1. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng.
2. Đẩy mạnh đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực.
3. Thu hút thêm nhân sự có năng lực.
4. Có chính sách động viên những người có năng lực.

3.2 Một số hạn chế cần khắc phục và biện pháp hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại công ty TNHH Hưng Thịnh

3.2.1 Ý kiến 1 :Mở bảng kê doanh thu bán lẻ

Kế toán Công ty nên mở bảng kê doanh thu bán lẻ hàng ngày để ghi chép khi có chứng từ bán hàng chuyên đến. Đến cuối ngày kế toán tổng hợp số liệu và chứng từ để lấy số liệu và Nhật Ký Chung và các sổ chi tiết. Như vậy số lần nhập số liệu vào excel sẽ giảm dần. Bảng kê doanh thu bán lẻ có thể lập mẫu như sau:

Biểu số 3.1 Bảng kê doanh thu bán lẻ

Bảng kê doanh thu bán lẻ

Ngày..... tháng.....năm.....

Hóa đơn	Diễn giải	Tên khách hàng	Số tiền
.....	
.....	
Cộng			

Người lập phiếu

(ký, ghi rõ họ tên)

Ví dụ: Vào ngày 17/ 12/2011, công ty phát sinh các nghiệp vụ bán hàng cho các khách hàng cá nhân trong vùng.

Thay vì với mỗi nghiệp vụ, kế toán lại vào sổ nhật ký chung 1 lần, gây rắc rối cho việc hạch toán cũng như kiểm tra, kế toán có thể lập bảng kê rồi lấy số liệu tổng hợp trên bảng kê ghi vào các sổ liên quan.

Từ biểu mẫu số 3.1 ta có thể áp dụng vào hạch toán tại công ty như sau:

Biểu số 3.2 Bảng kê doanh thu bán lẻ**Bảng kê doanh thu bán lẻ**
Ngày 17 Tháng 12 Năm 2011*Đơn vị tính: VNĐ*

Hóa đơn	Diễn giải	Tên khách hàng	Số tiền
0012113	Sắt cây	Chị Nga- An Dương	900.000
0012114	Lưới thép B40	Chị Hằng- Vân Tra	498.279
0012121	Dây thép	Chị An-An Đồng	3.138.200
0012115	Thép Hộp	Anh Thao-Nguyễn Văn Linh	8.181.500
0012122	Thép XD	Anh Nam- Vân Tra	8.275.600
0012116	Dây thép	Chị Hào- An Dương	6.916.800
0012123	Đinh	Chị Hoa-Khu PG	6.715.000
		Cộng	34.625.379

Người lập phiếu

*(ký, ghi rõ họ tên)***3.2.2 Ý kiến thứ 2: Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng tiêu thụ để tính chính xác kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng.**

Hàng hóa công ty kinh doanh gồm nhiều chủng loại mang lại lợi nhuận khác nhau. Một trong những biện pháp tăng lợi nhuận là phải chú trọng nâng cao doanh thu của mặt hàng cho mức lãi cao. Vì vậy, ta cần phải xác định được kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng từ đó xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả cao nhất. Để thực hiện được điều đó ta sử dụng tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng tiêu thụ sau mỗi kỳ báo cáo.

Một trong những vấn đề quan trọng nhất để tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là việc lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý, khoa học. Bởi vì, mỗi mặt hàng có tính thương phẩm khác nhau, dung lượng chi phí quản lý

doanh nghiệp có tính chất khác nhau, công dụng đối với từng nhóm hàng cũng khác nhau nên không thể sử dụng chung một tiêu thức phân bổ mà phải tùy thuộc vào tính chất của từng khoản mục chi phí để lựa chọn tiêu thức phân bổ thích hợp.

- Đối với các khoản chi phí bán hàng có thể phân bổ theo doanh số bán.
- Tương tự ta sẽ có tiêu thức phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo doanh số bán như sau:

$$\text{Chi phí QLKD phân bổ cho nhóm hàng thứ } i = \frac{\text{Chi phí QLDN cần phân bổ}}{\text{Tổng doanh số bán}} \times \text{Doanh số bán nhóm hàng thứ } i$$

Khi phân bổ được chi phí quản lý kinh doanh cho từng nhóm hàng, lô hàng tiêu thụ, ta sẽ xác định được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đó.

Ví dụ: phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho mặt hàng thép cây là:

- Biết :
- + Doanh số bán thép cây : 4.937.424.190
 - + Tổng doanh số bán hàng: 17.791.500.463
 - + Doanh thu thuần : 5.061.947.535
 - + Giá vốn của thép cây : 4.937.424.190
 - + Chi phí quản lý kinh doanh: 430.690.199

Ta tiến hành phân bổ CPQLKD theo doanh số bán:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí QLKD phân bổ cho thép cây} &= \frac{430.690.199}{17.791.500.463} \times 4.937.424.190 \\ &= 119.523.376 \end{aligned}$$

Biểu số 3.3 Bảng xác định kết quả kinh doanh cho mặt hàng thép cây**Bảng xác định kết quả kinh doanh**

Năm 2011

Tên mặt hàng: thép cây

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Tháng 12
Doanh thu thuần	5.061.947.535
Giá vốn của thép cây	4.937.424.190
Lợi nhuận gộp	124.523.345
Chi phí quản lý kinh doanh	119.523.376
Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng	4.999.969

Kế toán
(ký, họ tên)Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Ta có tỷ lệ lợi nhuận thuần của thép cây so với lợi nhuận thuần toàn công ty:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ lợi nhuận thép cây} &= \frac{\text{lợi nhuận thuần của thép cây}}{\text{lợi nhuận thuần toàn công ty}} * 100\% \\ &= \frac{4.999.969}{21.901.122} * 100\% = 22,9\% \end{aligned}$$

Qua việc phân bổ trên, ta tính được lợi nhuận thuần của từng mặt hàng cụ thể là đối với thép cây, lợi nhuận thuần chiếm khoảng 22,9 % so với lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng của doanh nghiệp. Qua đó, ta thấy là mặt hàng chủ lực của công ty từ đó công ty có những biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ, tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Bên cạnh đó ta có thể biết được mặt hàng nào của công ty kinh doanh không có hiệu quả để đưa ra quyết định có nên tiếp tục kinh doanh sản phẩm đó nữa không.

3.2.3 Ý kiến thứ 3: Lập dự phòng phải thu khó đòi

Mặc dù đặc điểm phương thức bán hàng của công ty TNHH Hưng Thịnh là không có cho nợ nhiều nhưng vẫn có trường hợp khách hàng chịu tiền hàng. Bên cạnh đó việc thu tiền hàng gặp nhiều khó khăn và tình trạng này ảnh hưởng đến việc giảm doanh thu của doanh nghiệp.

Vì vậy, Công ty nên tính toán khoản nợ có khả năng là khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ.

Để tính toán mức dự phòng khó đòi, công ty đánh giá khả năng thanh toán của mỗi khách hàng là bao nhiêu phần trăm trên cơ sở số nợ thực tế và tỷ lệ có khả năng khó đòi tính ra dự phòng nợ thất thu.

Đối với khoản nợ thất thu, sau khi xóa khỏi bảng cân đối kế toán, kế toán của công ty một mặt tiến hành đòi nợ, mặt khác theo dõi ở TK004- Nợ khó đòi đã xử lý.

Khi lập dự phòng phải thu khó đòi phải ghi rõ tên, địa chỉ, nội dung từng khoản nợ, số tiền phải thu của đơn vị nợ hoặc người nợ trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

Phải có đầy đủ chứng từ gốc, giấy xác nhận của đơn vị nợ, người nợ về số tiền nợ chưa thanh toán như là các hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các bản thanh lý về hợp đồng, các giấy cam kết nợ để có căn cứ lập các bảng kê phải thu khó đòi.

Phương pháp tính dự phòng nợ phải thu khó đòi:

$$\text{Số DPPTKĐ cho tháng kế hoạch của khách hàng đáng ngờ} = \text{Số nợ phải thu của khách hàng } i * \text{Tỷ lệ ước tính không thu được của khách hàng } i$$

Ta có thể tính dự phòng nợ PT khó đòi theo phương pháp ước tính trên doanh thu bán chịu.

$$\text{Số DPPTKĐ lập cho tháng kế hoạch} = \text{Tổng doanh thu bán chịu} * \text{Tỷ lệ phải thu khó đòi ước tính}$$

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản dự phòng phải thu khó đòi được theo dõi ở TK 159- Dự phòng phải thu khó đòi. Cách lập được tiến hành như sau: căn cứ vào bảng kê chi tiết nợ phải thu khó đòi, kế toán lập dự phòng:

Nợ TK 642 (6426)

Có TK 1592: Mức dự phòng phải thu khó đòi

3.2.4 Ý kiến thứ 4: Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Do giá hàng hóa công ty kinh doanh chịu ảnh hưởng trực tiếp vào xu hướng chung của nền kinh tế thế giới và trong nước. Nên không thể tránh khỏi sự giảm giá bất ngờ của hàng hóa.

Vì vậy, công ty nên dự tính khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước vào giá vốn hàng bán phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn so với giá ghi trên sổ của kế toán hàng tồn kho. Cuối kỳ, nếu kế toán nhận thấy có bằng chứng chắc chắn về sự giảm giá thường xuyên cụ thể xảy ra trong kỳ kế toán tiến hành trích lập dự phòng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm giúp công ty bù đắp thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hóa tồn kho giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh trung thực tài sản của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Công thức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

$$\text{Mức lập DPGGHTK} = \text{Số vật tư, hàng hóa bị giảm giá tại thời điểm lập} * \left(\frac{\text{Giá đơn vị ghi sổ kế toán}}{\text{Giá đơn vị trên thị trường}} - 1 \right)$$

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được phản ánh trên tài khoản 159- Dự phòng giảm giá tồn kho.

Cách hạch toán dự phòng giảm giá tồn kho:

- Căn cứ vào bảng tổng hợp về mức lập dự phòng giảm giá của các loại vật tư hàng hóa đã được duyệt, thẩm định của người có thẩm quyền doanh nghiệp, kế toán ghi:

Nợ TK 632

Có TK 1593

-Theo quy định của bộ tài chính, nếu số trích lập cho năm kế hoạch bằng số dư của dự phòng năm trước thì không phải lập nữa.

-Nếu số lập DPGGHTK cho năm kế hoạch lớn hơn số dư trên TK 159 thì số lớn hơn đó sẽ trích lập tiếp tục.

Nợ TK 632

Có TK 1593

Nếu số trích lập cho kế hoạch nhỏ hơn số dư trên TK 159 thì số chênh lệch giảm phải được hoàn nhập.

Nợ TK 1593

Có TK 632

3.2.5 Ý kiến thứ 5: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu thương mại cho phù hợp với tình hình tiêu thụ tại công ty nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, thu hút thêm nhiều khách hàng.

Cách thực hiện:

– Công ty có thể tự xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng dựa trên sản lượng tiêu thụ, giá thành sản xuất, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh ,giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường.

– Công ty cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại.

– Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

– Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn

lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán:

✓ Khi chiết khấu cho khách hàng:

Nợ TK 5211:.....

Nợ TK 3331:.....

Có TK 131,111,112,....:

✓ Kết chuyển:

Nợ TK 511:.....

Có TK 5211:.....

3.2.6 Ý kiến thứ 6: Tin học hóa công tác kế toán

Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán lâu nay của nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học vào hạch toán kế toán, bởi vì tin học đã và sẽ trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Trong khi đó công ty TNHH Hưng Thịnh là một công ty kinh doanh thương mại, trong một tháng có rất nhiều nhiệm vụ phát sinh cần phải ghi chép mà công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng phần mềm Excel do vậy các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch dòng dẫn đến đưa ra các báo cáo không chính xác làm cho chúng không được đưa ra một cách kịp thời. Do vậy, cần thiết phải sử dụng phần mềm kế toán bởi vì:

- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán
- Tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của công ty.
- Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.
- Giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm cách kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để họ giành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của Cán bộ quản lý.

Một số phần mềm kế toán công ty nên áp dụng:

- + MISA 7.9
- + FAST ACCOUNTING 10.1
- + BRAVO 6.3 SE

+ FTS ACCOUNTING

+

Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì :

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.
- Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả những sổ sách có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.
- Từ đó lập ra các Báo cáo tài chính.

- **Biểu 3.4 Giao diện phần mềm kế toán MISA**



Biểu 3.5 : Giao diện phần mềm kế toán BRAVO



KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường hiện nay, vấn đề kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quyết định tới sự tồn tại của mỗi doanh nghiệp. Công tác kế toán nghiệp vụ này trong kinh doanh sẽ giúp cho các doanh nghiệp xác định đúng đắn kết quả kinh doanh và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động của mình. Vì thế, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ là của Công ty TNHH Hưng Thịnh mà còn là vấn đề quan tâm của tất cả các doanh nghiệp khác và của cả nền kinh tế quốc dân hiện nay.

Kế toán là một công cụ giúp cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh luôn nắm bắt được những gì đã làm, cần làm và sẽ làm, đồng thời nó cũng là một công cụ quản lý của tất cả các nhà kinh doanh trong mọi lĩnh vực. Hoạt động kinh doanh cũng vậy, rất cần đến kế toán để làm công tác quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý tiêu thụ hàng hoá, cơ sở vật chất và sự vận động của vốn kinh doanh sao cho an toàn và hiệu quả.

Trong thời gian thực tập ở công ty TNHH Hưng Thịnh đã giúp em củng cố lại kiến thức đã học tại trường và còn giúp em bước đầu có những hiểu biết thực tế về công tác Kế toán. Để đạt được điều này, em đã được sự chỉ bảo nhiệt tình của Thạc sĩ Trần Thị Thu Hà và cán bộ phòng tài chính kế toán ở Công ty TNHH Hưng Thịnh.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại cơ sở thực tập và kiến thức còn ít ỏi mà em đã tích lũy được trong suốt quá trình học tập tại ghế nhà trường, em xin mạnh dạn đưa ra một số đề nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hưng Thịnh. Do kiến thức về mặt lý luận còn hạn chế nên chắc chắn bài báo cáo này còn nhiều thiếu sót, em mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để hoàn thiện bài viết một cách tốt nhất và giúp cho bản thân em có điều kiện tìm hiểu môi trường thực tiễn để nâng cao các nghiệp vụ chuyên môn của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 và 2
2. Giáo trình Lý thuyết Hạch toán kế toán. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân – Khoa kế toán Tác giả: PGS.TS. Nguyễn Thị Đông Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội, năm 2007
3. Văn bản quyết định kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính.
4. Các chứng từ, sổ sách, mẫu sổ kế toán năm 2011 tại Công ty TNHH Hưng Thịnh
5. Tài liệu khác trên mạng: – Websise: www.google.com Websise: ketoanvietnam.com. Websise : niceAccounting.com